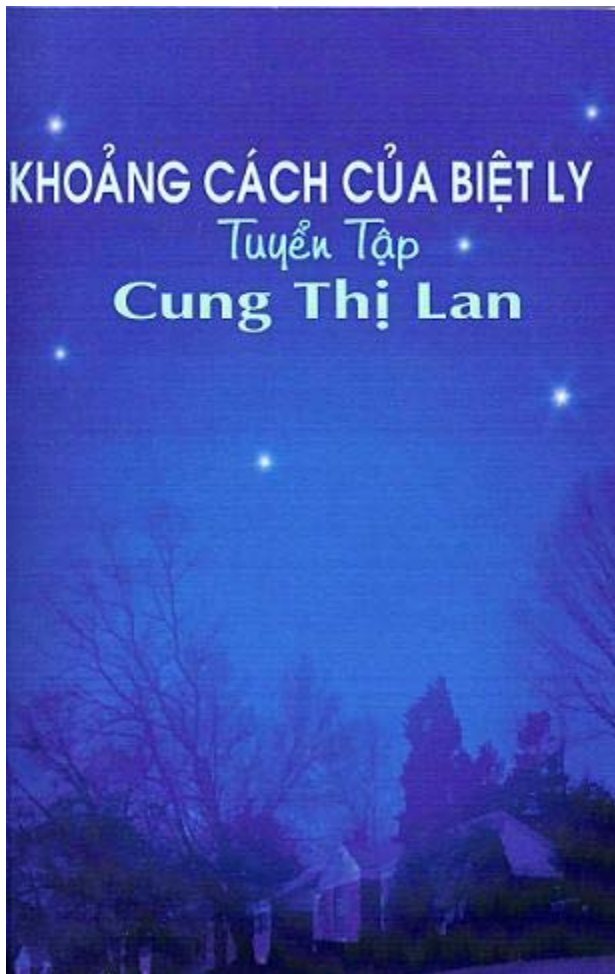


Cung Thị Lan

Những Tấm Lòng Nhân Ái

- Hồi Ký Mạo Hiểm Tìm Tự Do -

Trích trong Tuyển Tập Khoảng Cách Của Biệt Ly



Tranh Bìa: Nguyễn Thế Huỳnh(hls)

Xuất bản ngày 19 tháng 07 năm 2009

Tại Hoa Thịnh Đốn Hoa Kỳ

Tác giả giữ bản quyền

Đăng ký tại U. S Library of Congress

“Mẹ! Sao mẹ cho con đi ghe như vậy lỡ con ‘té’ xuống biển chết sao?”

Tinô đã hỏi tôi như thế khi tôi nói cho nó biết chiếc ghe thúng lạng lờ trước mặt là vật đưa chúng tôi ra ghe lớn để vượt biên; cho nên, thay vì tả thêm cảnh trốn ra khỏi nước, tôi đã nín lặng. Trong không khí nặng nề bao trùm quanh chúng tôi, giọng nói đầy trách móc của Tinô vương vất như không thể dứt. Nó đã đánh thức những hình ảnh ngủ yên từ lâu trong tâm trí tôi và đưa tôi trở về thời gian cũ. Tưởng như nghe lại những tiếng nấc đau khổ và chứng kiến cảnh cong oằn vật vãi của những người mẹ mất con trong các trại tị nạn năm nào, thần kinh của tôi càng lúc càng căng thẳng và trí óc tôi trở nên rối loạn và ngổn ngang. Trước khi đem Tinô đi vượt biển, tôi đã dự định sẽ chết theo nó khi gặp phải điều không may; nhưng tôi sẽ ra sao nếu tôi không thể thực hiện được ý định của mình và phải chịu tình cảnh mất con như những người đàn bà kia. Tôi sẽ sống làm sao trước cái chết của con mình mà sự chọn lựa là do mình chứ không phải nó. Nhìn ánh mắt chất vấn và khuôn mặt phụng phịu của Tinô, tôi muốn kể cho nó nghe tất cả những gì đã xảy ra kể cả tâm trạng của mình lúc ấy, nhưng nghĩ đứa trẻ lên tám không thể nào hiểu hết những uẩn khúc bên trong sự việc, đã hứa với lòng chờ đến khi nó trưởng thành.

Khi Tinô được mười tám tuổi, tôi chưa kịp thực hiện ý định của mình, đã nghe nó nói một cách chân thành rằng: Con cảm ơn mẹ đã đưa con vượt biển cho con được sống ở Mỹ đây. Ngạc nhiên vì đứa

con trai đầu của mình vẫn còn nhớ đến câu hỏi hơn mười năm về trước, tôi chợt khám phá rằng đứa trẻ không được sinh ra trên đất nước mà nó đang sinh sống sẽ không bao giờ từ bỏ ý định tìm hiểu về cội nguồn, sự khác biệt và những sự việc liên quan đến đời sống hiện tại của nó. Với kiến thức của học sinh tốt nghiệp trung học và chiêm nghiệm thực tế sau chuyến thăm Việt Nam, Tinô đã tự giải đáp những thắc mắc mà nó đặt cho tôi trước đây. Qua lời cảm ơn chân thật của nó, tôi nhớ đến những tấm lòng nhân ái và quảng đại của biết bao vị ân nhân của mình. Thuyền trưởng Jorgen L. Olesen, thủy thủ đoàn của tàu Maersk, nhân viên của các trung tâm tị nạn Omura tại Nagasaki và Kokusai Kuyen tại Tokyo của Nhật Bản là những người đã tận tình giúp đỡ chúng tôi mọi mặt trong bước đường gian nan trên biển, trên đảo cho đến ngày định cư tại Mỹ. Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến những người tổ chức vượt biển, những người đồng hành, những người cùng cảnh ngộ, những người đã hết lòng giúp đỡ và san sẻ vật chất cũng như tinh thần với gia đình chúng tôi trong các chuyến đi và ở các trại tị nạn. Những Tấm Lòng Nhân Ái là Hồi Ký Mạo Hiểm Tìm Tự Do, ghi lại những ngày gian nan mà chúng tôi, những người chung cuộc, đã cùng trải qua trong những ngày gian nan và nguy hiểm nhằm bày tỏ tấm lòng biết ơn chân thành của tôi và gia đình tôi đến các vị ân nhân mà chúng tôi đã gặp.

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Một

“Chị đã có bầu được hai tháng rồi!”

Tin báo bất ngờ của bà bác sĩ phụ khoa khiến tôi hồi hộp. Có con sau ba năm lập gia đình là tin mừng đối với tôi nhưng tôi phải làm sao trong lúc đang âm thầm thực hiện những chuyến vượt biển. Cố giữ vẻ tự nhiên bình thường, tôi hỏi:

“Chắc vậy rồi hả cô?”

Bà bác sĩ trả lời với ánh mắt nhìn thẳng:

“Kết quả chính xác lắm, cho nên từ nay chị nên ăn ngủ đều đặn và đi đứng cẩn thận! Nhớ đừng với kéo, leo trèo hay bơi biển thì đến ngày sinh chị mới được một cháu bé khỏe mạnh.”

Gật đầu tỏ vẻ ưng thuận nhưng tôi không nói gì. Lời căn dặn của bà bác sĩ được lưu dụng này có lẽ chỉ do thói quen nghề nghiệp nhưng nó chứa khá nhiều ẩn ý làm tôi suy nghĩ nhiều hơn. Biết mình mang mầm sống trong bụng, tất nhiên người đàn bà nào cũng phải biết làm gì để có đứa con mạnh khỏe khi chào đời vậy mà cách nói của bà về như ám chỉ điều gì khiến tôi không khỏi bận tâm. Những ngày này, thành phố biển Nha Trang, nơi chúng tôi sống đang mất dần những người cư ngụ. Những người này không những chỉ là cư dân ven biển hay những người có lý lịch liên quan đến chế độ cũ mà cả giới trí thức được lưu dụng. Bà và tôi tuy là hai người làm việc mẫu mực ở hai nơi, nhưng cả hai đều hiểu ngầm là một ngày nào đó, sau một đêm nào đó, nếu có cơ hội, sẽ không còn hiện diện trong thành phố của mình nữa. Sau biến cố năm 1975, người Việt ở miền Nam tỏ ra hòa mình với sự đổi đời và tuân phục với chính sách mới nhưng âm thầm hành động theo ước vọng và ý nghĩ của mình. Vì mơ ước tìm lại tự do, quyền lợi thực sự của con người và những gì có được trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam, không ít người kín đáo liên lạc với nhau để thực hiện những chuyến trốn ra khỏi nước bằng đường biển. Và vì đã có khá nhiều người biến mất sau những chuyến ghe thoát ra khỏi nước, chúng tôi thường có những ý nghĩ nghi ngờ về chuyện vượt biển khi thấy sự việc nào bất thường hay nghe sự vắng mặt của ai đó nơi làm việc của họ.

Tôi biết chi tiết trong tờ khai sức khỏe của mình đã giúp bà bác sĩ đoán được phần nào lý do vợ chồng tôi không có con sau ba năm dài chung sống. Quả là vì tham gia vượt biển nên chúng tôi dự tính là tìm đến bến tự do rồi mới có con. Giờ đây, sự việc trái ngược với dự

định khiến tôi hiểu rằng những gì mình muốn mà trời không muốn, phải chấp nhận. Trước khi chào từ giã, tôi đã cố gắng cười một cách bình thản rồi nói với bà là tôi biết chuẩn bị thế nào cho đứa con đầu lòng của mình.

Chồng tôi rất vui mừng khi biết mình sắp được làm cha. Niềm vui khiến anh không nghĩ đến chuyến vượt biển sắp tiến hành trong vài ngày tới khiến tôi phải khuyên:

“Em không thể tham gia chuyến này thì anh nên đi một mình. Ở đây dầu gì em cũng có việc làm, còn anh không nghề nghiệp lại không hộ khẩu. Sống bấp bênh như thế, chẳng thà trốn ra khỏi nước may ra còn có tương lai sáng lạng hơn.”

Lắc đầu, anh nói:

“Anh không bỏ em đâu. Đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa. Trước mắt là phải lo cho con!”

Rồi y như lời, anh không tham gia chuyến vượt biển do chính người bạn thân của anh báo rõ ngày giờ. Sau đó ít tháng, khi nghe tin bạn bè của anh đến Phi Luật Tân thành công, anh thoáng buồn nhưng chẳng hề than van hay tiếc rẻ. Ngoài tâm niệm sướng khổ có nhau và không chịu cảnh vợ chồng ly tán người đi kẻ ở, anh đã chăm sóc tôi cẩn thận cho đến ngày đứa con trai đầu của chúng tôi ra đời.

Từ khi có Tinô, chúng tôi không hề đề cập đến chuyện vượt biển. Để đáp ứng các nhu cầu cần thiết cho đứa bé, chúng tôi đã dồn hết sức lực và tâm trí vào các việc làm của mình. Ngoài việc dạy học mỗi buổi sáng tại một trường cấp hai, tôi đã nhận may tại nhà và làm thêm các loại bánh. Chồng tôi, tuy không có việc gì làm chính thức cũng giúp rất nhiều việc cho tôi lẫn mẹ của anh ấy. Ngoài những việc giúp tôi như may áo cổ sơ mi, thắt lá dừa làm bánh phu thê cho các mối đám cưới và bánh bán ngày rằm mừng một anh còn phụ mẹ anh những công việc xách nước, chặt củi và hong xôi. Những công việc của anh tuy nhẹ nhàng nhưng đã làm anh cay đắng vì chúng chỉ là những việc phụ giúp cho hai người đàn bà. Trước đây, anh đã làm rất nhiều nghề độc lập như đập xích lô, kiếm củi, dệt khăn và buôn hàng theo tuyến đường tàu hỏa. Bởi chậm chạp và thật thà, anh bị thất bại này đến thất bại khác. Đập xích lô thì không kiếm ra khách, đi chặt cây lấy củi thì chặt vào ngay đầu gối mình phải vào trạm xá điều trị, dệt khăn thì bị cụt lưng khi di chuyển máy dệt để sửa chữa phải đi châm cứu, và đi buôn thì bị gạt hàng giả mất cả vốn lẫn lời. Đã thế, mỗi lần anh đi buôn về, tôi thường nghe Thành, người thanh niên ở

cùng xóm, nói rằng:

“Đừng cho anh Hiệp đi buôn nữa chị à! Ảnh đi buôn như tụi em không được đâu! Mấy bà buôn dữ lắm! Hàng nhiều, tàu chật mà mấy bà chẳng muốn nhường ai, hết lán người, lại giành chỗ, miệng lúc nào cũng chửi. Mà mấy bà muốn chửi cỡ nào, tụi em chửi lại cỡ nấy, đâu ngán! Còn ảnh mang tiếng có học không dám chửi lại nên mới bị mấy bà vừa đạp đầu bước qua vừa bị chửi. Mỗi lần thấy ảnh bị như vậy mà vẫn ngồi yên, không dám nói tiếng nào, em tức lắm. Hiền lành, cả nể như vậy nên kiếm nghề khác làm còn hơn!”

Mỗi lần nghe vậy, tôi thường nén tiếng thở dài. Tôi biết là một ngày không xa, chẳng cần khuyên nhủ, anh sẽ không còn có thể đi buôn theo đường tàu Nha Trang Sài Gòn. Không phải vì anh sợ các bà buôn ăn hiếp mà vì vốn của anh đã cạn kiệt.

Mẹ chồng tôi rất cay đắng khi nghe được những lời này. Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, tự hào về sức học vượt bậc và tin tưởng công danh của con mình sáng lạng bao nhiêu thì sau ngày ấy bà ê chề với cảnh anh phải lao đao với công việc làm ăn bấy nhiêu. May là đứa con trai đầu của bà, anh chồng tôi, được thuê nhận làm nhân viên cho nhà máy đường ở một tỉnh miền Nam sau khi tốt nghiệp Đại Học Sài Gòn, nên có đời sống tương đối ổn định. Còn chồng tôi từ chối không nhận sự phân công tác của trường Đại Học sau khi tốt nghiệp nên mất cả việc lẫn hộ khẩu. Tình trạng lòng bông của anh làm bà khổ tâm lắm nhưng đành cam chịu vì hiểu rằng anh không thể nào nhận công tác làm giáo viên của trường trung học ở một tỉnh lẻ miền Trung với bản phê bình “Học lực tốt nhưng tư tưởng chính trị không tốt”. Những người trong ban giám hiệu nhà trường chắc chắn sẽ không chấp thuận một người có tư tưởng chính trị không tốt trong đội ngũ giáo viên của họ. Sớm hay muộn, họ cũng sẽ tìm cách cô lập hay trục xuất anh khi biết ba anh là sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa và đã chết vì chiến đấu chống lại sự tấn công bội ược của quân đội miền Bắc vào ngày mừng một tết năm Mậu Thân 1968. Ông đã tử trận với danh vị là sĩ quan của Việt Nam Cộng Hòa trong lúc trấn giữ đồn Pleiku chứ không phải như chữ chết đơn giản và trơn tuột mà chồng tôi khai trong lý lịch khi anh nộp đơn thi vào trường Đại Học Đà Lạt. Dù sao, mẹ chồng tôi rất an lòng khi vợ chồng tôi sống kề cận. Từ ngày không nghe chúng tôi nhắc nhở đến các chuyến vượt biển bà càng vững bụng hơn. Bà chỉ còn hai người con trai. Anh chồng tôi sau khi có việc làm, lập gia đình và ở luôn tại Nam Bộ, cho nên, khi sống với gia đình chúng tôi, bà cảm thấy ít lạc lõng trong đại gia đình chồng.

Thực sự, vợ chồng chúng tôi chính là kẻ nương tựa vào mẹ chồng tôi. Những bữa ăn hàng ngày của chúng tôi đều dựa vào số tiền lời của những gánh xôi mà bà bán từ từ mờ sáng. Lẽ ra bà không phải sống bằng nghề bán xôi dạo cực nhọc này. Bà vốn là tiểu thương buôn may bán đất của gian hàng tạp phẩm guốc dép mũ nón tại chợ Phước Hải Nha Trang, được nhiều khách bạn hàng quý mến. Sau năm 1975, bà nghe đồn việc cải tạo công thương nghiệp nên sợ hãi sang nhượng lại gian hàng, để mua vài sào ruộng về trồng rau muống. Bà không có kinh nghiệm trồng rau nên thu nhập thấp hay có khi mất trắng vì thời tiết thất thường. May là bà nấu xôi ngon nên nghề bán xôi trở thành nguồn thu nhập chính cho bà sinh sống và hỗ trợ thêm cho con cháu. Mặc dù vợ chồng tôi làm rất nhiều việc nhưng thu nhập của chúng tôi chẳng được bao nhiêu. Lương giáo viên hàng tháng của tôi và số tiền ít ỏi từ các việc làm phụ của vợ chồng chúng tôi chỉ đủ trang trải cho các thứ vật vãnh dành cho đứa con đầu lòng. Cũng may Tinô là đứa trẻ rất dễ tính cho nên sau khi nó ra đời tôi vẫn có thể tiếp tục làm nhiều việc hơn trước đó. Thường bú sữa mẹ theo giờ giấc nhất định nhưng Tinô chẳng bao giờ cáu kỉnh hay khóc lóc khi phải nhịn đói lâu hơn. Ngày Tinô vừa đúng một tháng tuổi là ngày tôi phải giao chiếc bánh cưới hai tầng cho gia đình chú rể vào lúc tám giờ tối để họ chuẩn bị cho ngày cưới hôm sau. Bảy giờ tối là giờ cho Tinô bú theo cũ nhưng tôi không thể theo giờ đã định vì còn điên đầu với chiếc bánh cưới chưa hoàn thành được. Trời tháng chín nóng chẳng khác hè, nhà lại ngày nhăm khu vực không điện phải thắp đèn dầu cho nên khí trời lẫn khí nóng của chiếc đèn dầu làm cho kem bơ mềm hơn thường lệ. Chỉ có thể trét mặt bánh chứ không thể nặn được những cánh hồng hồng, tôi đành phải làm thêm loại kem khác: kem đường. Đây là một loại kem không bơ nhưng dễ dàng tạo những cánh hồng sắc nét vì độ cứng chuẩn mực của nó. Loay hoay thêm hai giờ tôi mới có được một chiếc bánh cưới vừa ý để giao cho khách. Tinô không thể bú theo thời gian qui định nhưng vẫn im lặng chờ cho đến lúc được cho ăn chứ không hề khóc la vùi vnh. Khi ôm nó vào lòng tôi hiểu là nó đã phải chịu đói rất lâu nhưng có lẽ do bản tính kiên nhẫn bẩm sinh, vẫn chờ cho đến khi được cho ăn. Vừa thương con, vừa biết ơn trời ban tính lành cho nó, nhưng lúc ấy tôi không biết rằng bản tính này liên quan rất nhiều đến những việc xảy ra cho Tinô sau này.

Khi Tinô được bốn tháng và có thể ăn dặm thêm các thứ như cháo lỏng, rau đậu xay hay bột, tôi nghĩ ngay đến chuyện tăng thêm thu nhập cho gia đình. Ngoài những công việc thường làm, tôi đã tận

dụng ngày chủ nhật để phụ chồng tôi đi buôn. Thời gian này, những người thầu ở chợ Lớn Sài Gòn thường thu mua các thứ hàng xuất khẩu như cà phê, hạt điều và các sản phẩm quý của rừng cho các nhà buôn bán thuốc Đông y, đặc biệt là hạt Ới. Cà phê có nhiều tại Ban Mê Thuột, hạt điều ở các tỉnh Thuận Hải, duy chỉ có Ới là thứ có nhiều ở tỉnh Khánh Hòa. Dựa vào sự thuận lợi là đang cư ngụ trong tỉnh có loại trái được các nhà buôn Sài Gòn nô nức thầu, tôi đã cùng chồng tôi đi xe đồ ra tận nhà của những người bán Ới ở ven núi rừng Hòa Mỹ, Hòa Đồng và Hòa Tân. Những người bán trái Ới này vốn là những người chuyên sống bằng nghề đồn củi. Nhân biết giá trị của loại trái này, họ đã thu lượm, phơi khô và để dành bán khi có giá. Theo lời của họ, Ới là một loại trái dùng để “ăn cho mát người”. Chữ “cho mát” mang nghĩa của khả năng giảm nhiệt độ và cũng có nghĩa là khi ăn loại trái này con người sẽ tránh được triệu chứng “nóng người” như mụn nhọt hay táo bón. Sự giải thích được tạm hiểu vì sao các con buôn ở Sài Gòn thích thu mua loại trái lạ lùng này, tuy nhiên, khi hỏi người bán vì sao chúng có tên Ới thì ai nấy đều chịu. Gợi ý là có phải chúng được chiếu cố bởi mấy con đười ươi không, thì ai nấy cũng đều lắc đầu. Việc duy nhất mà họ có thể giải thích về loại trái có tên quái dị này là chọn một vài trái hình thoi tròn đầu, nhỏ như hạt dẻ, vỏ nâu đen sần sùi ngâm vào trong một tô nước rồi bảo chúng tôi quan sát sự nở bung dị kỳ của chúng. Sau khi vớt bỏ các lớp màu nâu thẫm của vỏ và nhặt những mảnh trắng deo dẻo đan dính với hình dạng không đều như đông sương cho chúng tôi nếm thử, họ nói là những miếng mà chúng tôi đang nhai trong miệng sẽ làm cho da dẻ chúng tôi tươi mát và sự tiêu hóa được nhuận trường. Để tán dương thêm giá trị hiếm quý của Ới, người bán còn tả cảnh thu lượm khó khăn mà họ đã trải qua. Họ nói là Ới thường chín rụng vào mùa mưa. Vì thế, nếu họ không ghi nhớ, thăm chừng, leo chặt và kéo cành về nhà tuốt trái phơi khô, chúng sẽ nở toét loét đầy mặt rừng và không có chuyện tích trữ từng bao bố bán cho con buôn. Qua chuyện kể của họ, chúng tôi hình dung được sự hiếm quý của những trái Ới ra sao đồng thời tưởng tượng được cảnh cây rừng bị chặt phá và tước lột mỗi ngày như thế nào. Mặc dầu vậy, chúng tôi không thấy mình có tội. Những người bán này cũng như chúng tôi, là kẻ sống chật vật trong hoàn cảnh thay đổi của đất nước, phải vất vả với trăm phương ngàn kế mới mong nuôi sống gia đình. Trong khi những người bán phải khổ nhọc khuôn vác những cành Ới từ rừng về nhà thì chúng tôi phải vất vả vận chuyển các bao tải về thành phố mới kiếm được chút đỉnh tiền

lời. Dù thế nào, thiên nhiên chẳng ưu đãi cho chúng tôi dài lâu. Buồn được vài chuyến thì nguồn Ơi cạn kiệt. Không có hàng buôn, vợ chồng tôi đành mua những thứ vật vãnh như rau, khoai, bắp, đậu với giá rẻ hơn thành phố để bù số tiền xe đi lại. Nhiều lần như thế, các chuyến đi buôn của chúng tôi hóa thành những chuyến đi chơi. Các thứ mua được chỉ để tiêu dùng trong nhà và vốn liếng của chúng tôi lại từ từ chấp cánh bay.

Trước tết Kỷ Ty năm 1989, Tinô vừa được vào nhà trẻ, tôi kiếm thêm việc làm ngay. Nhờ một người bạn đã từng quen với công việc mua bán, chúng tôi đăng ký được một gian hàng bánh mứt trong khu chợ tết Nha Trang. Vì chỉ dạy buổi sáng tôi đã dành hết thời gian cho việc buôn bán này. Tôi đã tự làm hầu hết các loại bánh mứt ngay cả việc rang nhuộm hạt dưa để không phải chi nhiều vốn cho việc mua đi bán lại. Sau những ngày bán tết năm đó, số lời của chúng tôi mua được năm phân vàng. Đó là số thu nhập khá lớn mà chúng tôi có được từ sau bao nhiêu năm sống chung với nhau. Mặc dù số vàng chỉ có thể dành cho vài tháng gửi trẻ hay chỉ mua được một hay hai hộp sữa bột hiệu Nhật cho Tinô nhưng nó đã làm chúng tôi hân hoan với ý nghĩ là có thể chăm nuôi Tinô đầy đủ cho đến ngày nó lớn khôn. Tôi cảm thấy được an ủi vì nghĩ rằng sự cần mẫn của mình đã được đền bù phần nào. Cảm giác bằng lòng với hiện tại thường xuất hiện nhiều hơn khi tôi không nghĩ đến chuyện cư ngụ, hộ khẩu, lý lịch của chồng tôi và những vấn đề liên quan đến quá khứ hay tương lai. Giống như người nào đó nói rằng “Không có thể vượt biển được thì ta đành vượt khó thôi!”

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Hai

Dường như thượng đế không để cho chúng tôi tiếp tục vượt khó vì người đã xui khiến một người đàn ông đứng tuổi đến thăm gia đình chúng tôi vào ngày mừng một Tết Kỷ Ty năm ấy. Ông tên là Thân và chúng tôi gọi ông là bác Thân. Bác Thân là ba của C. Sơn, cô bạn thời trung học với tôi, và cũng là bạn thân của ba tôi khi sinh thời. Tìm tận đến nhà chồng tôi để thăm tôi sau một thời gian dài bất tăm,

bác Thân đã trút không biết bao nỗi niềm tâm sự. Vốn xem tôi như con gái, ông không hề giấu giếm một điều gì trong gia đình mình kể cả việc làm đầy nguy hiểm và bí mật của con gái và con rể của ông. Ông cho tôi biết là C. Sơn và chồng của cô ta thường giới thiệu những người muốn trốn ra khỏi nước cho những người tổ chức vượt biển ở cùng xóm với họ. Cư ngụ ở xóm Cù Lao dưới chân cầu Xóm Bóng, cả hai đều biết chuyện tổ chức nào thật giả và ai là người đang hoàng lương thiện nên đã giúp rất nhiều người vượt biển thành công. Qua tâm tình, tôi cũng thành thật kể cho ông nghe về những chuyến vượt biển không thành của mình và sự an phận với chuyện ở lại. Tôi đã nói nhiều về tình trạng có con nhỏ của mình và tình hình các trại tị nạn sắp đóng cửa. Đây là hai nguyên nhân chính khiến tôi không còn có ý định vượt biên.

Hai ngày sau, C. Sơn và chồng của cô ta đã đến nhà chúng tôi. Sau khi đề cập đến những lời kể lại của bác Thân, họ báo cho chúng tôi chuyến vượt biển sắp tiến hành của những người đáng tin cậy trong xóm Cù Lao nơi họ ở. Tôi đã từ chối vì số tiền dự phần nhiều hơn mức tưởng tượng của tôi: Hai lượng vàng cho một đầu người. Trước khi có Tinô, chúng tôi chỉ phải trả vài chỉ vàng cho những lần tham gia vượt biển và đã nhận lại ngay sau những lần thất bại. Số vốn ấy, sau những tháng ngày buôn bán thua lỗ, chỉ còn vồn vẹn một chỉ vàng thì làm sao tôi có thể nhận lời giới thiệu của vợ chồng C. Sơn. Ngạc nhiên thay, chồng tôi đã hỏi địa chỉ nhà của vợ chồng C. Sơn và hứa là đến nhà họ để nhờ dẫn đến gặp người tổ chức.

Ngày đêm hôm sau, chúng tôi đã gặp người quen của chủ ghe tại Cù Lao Xóm Bóng. Ông ta chấp nhận cho Tinô đi cùng và bằng lòng nhận chi phí sau khi chúng tôi đánh điện báo tin đến nơi bình yên với điều kiện là chúng tôi phải trả hai lượng vàng cho một đầu người. Chồng tôi đã mặc cả ba lượng vàng cho gia đình ba người trong khi cam chắc là sẽ giao năm chỉ vàng trước ngày lên đường. Sau một hồi bàn luận, người đại diện cho người chủ ghe ưng thuận lời đề nghị của chồng tôi. Nhìn khuôn mặt hớn hở của ông, tôi biết là ông tin tưởng rất nhiều vào khả năng tài chánh của chúng tôi chứ không hề ngờ là chúng tôi đã phải chạy vay từng ngày để nuôi con. Boăn khoản trên đường về nhà, tôi không ngừng hỏi chồng tôi về sự mặc cả liều lĩnh mà anh hứa. Anh đã không cho tôi một lời giải thích

nào ngoài câu trả lời ngắn gọn “Để anh tính!”

Tôi không hề biết sự tính toán của chồng tôi như thế nào nhưng trưa ngày hôm sau mẹ chồng tôi đã ào vào phòng thờ khóc than thê thảm với hình ba chồng tôi nơi bàn thờ ông. Bà đã kể lể là nuôi con khổ cực mà nó đành tâm dẫn vợ con ra đi. Khi trở lại phòng của chúng tôi, bà không nhìn mặt tôi mà chỉ nói xa gần với chồng tôi. Lúc đó, tôi nghĩ là bà giận mình bởi người thân quen của tôi đến nhà mới lái, khơi lại chuyện vượt biển trước đây và tôi là nguyên nhân của sự chia cắt mẹ con; nhưng sau này tôi hiểu thêm là do chồng tôi hỏi mượn hai lượng vàng, số vốn duy nhất còn lại của bà. Sau khi đòi co vài lời nhưng không xoay chuyển được sự quyết định của chồng tôi, mẹ chồng tôi đã sang phòng ông nội chồng tôi mách toàn bộ câu chuyện. Phòng ông nội chồng tôi, ngay tại phòng khách, luôn luôn mở cửa trước lẫn sau cho nên sau khi chúng tôi nghe mẹ chồng tôi khóc lóc kể lể vài phút đã nghe ông quát vang khắp nhà: “Bảo chúng ở đây để ăn cứt cả lũ hả?” Câu hỏi vắn vẹo lớn tiếng của ông đã làm kinh động tất cả mọi người trong đại gia đình và làm tôi nhớ lại những lời kể của bác chồng tôi về cảnh di tản cực khổ mà ông kiên quyết đưa con cháu đi từ Bắc vào Nam vào năm 1954. Lúc ấy, ông nội chồng tôi đã đùm tùm cả đại gia đình đi từ Ninh Bình đến Hà Nội rồi ra cảng Hải Phòng để lên tàu thủy xuôi Nam. Nhờ vậy, ông đã tạo cho con cháu được sống tự do trong xã hội miền Nam từ năm 1954 đến 1975 và đã tậu được một cơ ngơi vững chắc với khuôn viên nhà rộng rãi vừa để ở vừa cho thuê. Trong khuôn viên của đại gia đình chồng tôi gồm có ông nội, mẹ, hai cô, chú và những đứa em họ của chồng tôi. Trong tất cả những người này, người mà tôi kính trọng nhất là ông. Vốn là người sùng đạo Phật và trọng thờ cúng ông bà, ông chưa bao giờ bỏ sót một ngày tụng niệm hay lau chùi bàn thờ. Sự thành kính của ông đối với chư Phật và những người đã khuất không những đã làm tôi kính trọng sự mẫu mực của người trọng đạo nghĩa mà còn in cho tôi một ký ức sâu đậm về những việc làm đầy ý nghĩa của ông đối với người quá vãng.

Một trong những việc mà tôi có ấn tượng sâu sắc nhất là chứng kiến cảnh ông chăm sóc hài cốt của người quá cố của gia đình. Năm ấy, khi chính quyền mới yêu cầu giải tán khu nghĩa trang và mọi người tất bật tìm nơi dời chuyển, thiêu đốt thì ông bình tĩnh

sắm sửa các loại keo dán, rượu trắng, băng ghi tên người chết, các hũ đựng tro và các tấm hình nhỏ hợp khổ với chúng. Sau đó, ông đã thăm hỏi nơi hỏa táng và tìm hiểu ngày giờ tốt để khai quật. Khai quật và hỏa táng xong, ông đã gói ghém từng phần hài cốt, cẩn thận ghi tên từng người trên các gói báo trước khi đem về nhà. Thấy ông lui cũi với bốn gói hài cốt của vợ ông (bà nội chồng tôi), con trai ông (cha chồng tôi) và hai người con gái ông (cô chồng tôi), chúng tôi lần la hỏi giúp, thì ông gất âm lên: “Tránh đi! Chúng mày mà làm được chuyện này thì tao đã khỏe thân rồi!” Ông là thế! Ít nói nhưng thường cho chúng tôi những câu gất gỏng lớn tiếng. Những câu gất này có thể xem là vô hại và có thể hiểu được khi chứng kiến việc ông làm như thế nào. Có những mẫu xương trong các gói hài cốt, chẳng biết loại gì, không bị rã bởi sức nóng của lò thiêu, được ông rửa với rượu rồi lau để khô. Sau đó, ông gộp chúng lại với tro rồi dùng hai tay vốc từng nắm trút vào hũ cẩn thận. Khi làm thế, ông nhất quyết không để rớt một hạt bụi nhỏ nào cho dù một chút li ti trên tờ giấy báo. Ém tro vào hũ xong, ông khấn chúng kín lại, lau chùi sạch sẽ, đặt theo thứ tự vai vế của từng người trên bàn thờ rồi nhang đèn cúng kính.

Hôm ấy, giọng hét của ông lớn hơn và khác hơn những lời gất gỏng trước đó đã thức tỉnh mọi người trong gia đình về tình trạng của chúng tôi: Tuy chúng tôi cùng ở một nhà nhưng tình trạng cư ngụ của gia đình tôi hoàn toàn bất hợp pháp bởi vì chồng tôi không có hộ khẩu nên tôi phải giữ tên mình và đăng ký tên Tinô vào sổ hộ khẩu gia đình của mẹ ruột tôi. Tuy chúng tôi làm hùng hục hàng ngày nhưng chúng tôi vẫn ăn bám vào sức làm của mẹ chồng tôi bởi vì số thu nhập của chúng tôi không thể đáp ứng được toàn bộ sự chi tiêu hàng tháng. Và cho dù chúng tôi tiết kiệm đến đâu chẳng nữa, vốn liếng của chúng tôi ngày càng kiệt cạn với sự bất cân xứng giữa cán thu và chi mỗi ngày. Những điều này đã ám thị trong đầu tôi một con số không to tướng cho tương lai của chúng tôi.

Khi về nhà chồng, tôi được nghe nhiều về sự can đảm của ông nội chồng tôi trong chặng đường gian khổ dẫn dắt vợ, con, dâu cháu trốn khỏi chế độ Cộng Sản ở miền Bắc để vào Nam sinh sống vào năm 1954, thì những ngày này tôi được chứng kiến tận mắt sự quyết tâm của ông trong việc ra sức giúp cháu chắt của ông tìm đường tự do bằng đường biển với số vàng dành dụm cho những ngày còn lại

của ông ở trên đời. Ngoài việc cho chúng tôi năm chỉ vàng, ông còn khích lệ các cô chồng tôi góp vàng vào cho đủ chi phí ba lượng mà người tổ chức qui định. Số chi phí cao gấp ba, bốn lần so với những chuyến mà vợ chồng tôi tham gia vượt biển trước đây nhưng nó là giá cả có thể chấp nhận được khi chúng tôi chỉ giao một phần nào và gia đình chúng tôi sẽ giao số còn lại cho những người tổ chức khi nhận điện báo của chúng tôi. Chi phí đã được chuẩn bị và sẽ được giao ngay khi chúng tôi đến bờ tự do nhưng sự may mắn của những chuyến đi có tạo cho gia đình chồng tôi thực hiện điều ấy không là vấn đề mơ hồ mà tôi không thể trả lời được. Để giải tỏa những tình huống xấu tự đặt trong đầu, tôi chỉ biết đưa Tinô lên chùa trăm bậc ở Mã Vòng và Tháp bà để cầu xin Phật Tổ và Đức Bà cứu độ.

Đầu tháng ba năm ấy, vợ chồng C. Sơn căn dặn chúng tôi phải thường xuyên ở nhà vì sẽ có người đến báo giờ và địa điểm xuất phát một cách bất ngờ. Họ còn cho biết thêm là người tổ chức chỉ cần chắc chắn tình hình thời tiết cho chuyến đi nữa là sẽ tiến hành nội nhật trong tuần. Trong khi chồng C. Sơn kể chuyện chủ ghe tu sửa máy móc chu đáo với chồng tôi thì C. Sơn đã trấn an tôi bằng những câu chuyện về sự chuẩn mực của số người tham gia, sự đàng hoàng và đáng tin cậy của thành phần tham gia và sự trang bị đầy đủ thực phẩm, thuốc men và vật dụng cho chuyến hải trình có trẻ con. Nàng hoàn toàn thu phục lòng tin của tôi về sự thành công của chuyến đi nhưng lại làm tôi nghi ngại bởi câu căn dặn lại rất nhiều lần: “Lan nhớ mang theo một cái nải chuối con như của người thượng khi đi đường!”

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Ba

Chiều hôm ấy, khi tôi đang nấu bữa cơm tối, chồng tôi giục tôi cho Tinô ăn mau để chuẩn bị lên đường. Tinô vốn là đứa dễ ăn và các thứ cần dùng đều được chuẩn bị sẵn trong hai giỏ xách cho nên chỉ cần nghe tin báo là tôi có thể cho nó xong chén cơm trong vài phút và lấy hành lý đi ngay. Chỉ có việc mà tôi lừng khừng, không quyết

định được là số lượng thuốc ngủ cho Tinô uống sau khi cho nó ăn. Theo các câu chuyện kể, những đứa nhỏ theo cha mẹ vượt biển đã phải uống thuốc ngủ để tránh sự phát hiện của công an và vài đứa trong số ấy, vì uống quá liều mà khi ghe đến bến tự do thì không thể thức dậy được nữa. Tôi không muốn bị công an phát hiện và cũng không muốn liên lụy mọi người bị bắt theo mình nhưng tôi không muốn trường hợp xấu nào xảy ra cho con tôi. Suy nghĩ một hồi, tôi chỉ cho Tinô uống nửa muỗng cà phê thuốc ngủ. Lúc đó, với sự tưởng tượng về các xóm chài thưa thớt và những bãi biển vắng người của những chuyến đi trước, tôi tính là sẽ dùng đôi bàn tay của mình vỗ về thêm giấc ngủ cho nó. Tất cả mọi người trong đại gia đình của chồng tôi rồi rít như thể chúng tôi sắp vào cửa tử. Quuyến luyến vây quanh chúng tôi một lúc, ông nội chồng, mẹ chồng và các cô chồng của tôi lần lượt vào phòng thờ. Tôi biết là họ chuẩn bị tụng niệm để cầu nguyện cho sự an toàn của chúng tôi vì thế tôi đã ghen ngào không nói nên lời khi chào chia tay với những đứa em họ.

Trước cổng, Long, em trai họ của chồng tôi, đang rờ máy chiếc Honda 67 cũ trong tư thế sẵn sàng. Cố tạo vẻ bình thường, nó đáp chào những người hàng xóm đang ngang qua lại. Còn chúng tôi chỉ lo ém chặt thành hàng sau lưng nó và giả như chẳng thấy ai. Chiều gần xẩm tối, lúc nhúc trên một chiếc xe máy cũ kỹ ọp ẹp rất dễ tạo sự chú ý của hàng xóm. Chúng tôi làm ra vẻ lơ láo vì không muốn trả lời những câu hỏi có tính cách thân mật và thường xuyên của những người đang ngồi ở các quán cóc cạnh nhà.

Vừa leo lên xe, chồng tôi hỏi hả nói:

“Vào khu máy nước, đi qua ga Nha Trang rồi ra Quốc Lộ đi Long!”

Ngạc nhiên, tôi thì thào:

“Tại sao mình phải đi hướng đó? Em tưởng là mình xuất phát tại cầu Xóm Bóng chứ?”

Chồng tôi đáp, nhỏ giọng không kém:

“Không phải tại cầu Xóm Bóng! Anh không biết mình sẽ xuất phát nơi nào nhưng họ hẹn gặp mình ngay trên đỉnh đèo Rù Rì. Để đánh lạc hướng công an, mình đi về hướng Thành rồi lấy đường cái lộ tuyến bọc lại. Anh sợ nhiều nhóm đến cùng một chiều, đổ cùng một lúc, lao nhao một chỗ sẽ bị những chiếc xe qua lại, nhất là xe

tuần của công an nghi ngờ.”

Tôi không hỏi thêm. Các chuyến vượt biển nào cũng vậy, điểm hẹn thường khác với điểm xuất phát. Cần nhất là thoát khỏi sự chú ý của công an là ổn cả thôi. Đầu tôi lúc ấy chỉ ám ảnh thời gian ở trên ghe, thời tiết trong thời gian lênh đèn trên biển và sự cập bến. Theo lời của vợ chồng C. Sơn thì từ lúc xuất phát đến khi cập đảo Palawan tôi đã chỉ có bảy ngày. “Palawan! Cầu xin trời phật phù hộ cho chúng con đến đảo Phi bình an.” Tôi thầm nhủ. Tôi thường nghe đồn Palawan của Philippine là nơi cập bến của đa số những người vượt biển từ Nha Trang cho nên tôi rất hy vọng gặp lại bạn bè cũ tại đó. Ngược mặt lên trời tôi cầu nguyện thời tiết tiếp tục tươi đẹp như thế. Tôi chỉ mong được thượng lộ bình an và tàu đến bến bình yên; chứ không nề hà chuyện nhịn đói để dành thức ăn cho Tinô trong suốt hành trình. Thực ra, tôi đã chuẩn bị nhiều lương thực trong hai giỏ xách của mình kể cả nước và các thứ linh tinh dành cho chuyến hải hành. Nếu những người tổ chức không đủ cung cấp thức ăn, nước uống hay thuốc men cho chúng tôi, thì chúng tôi có thể tự xoay sở được.

Khuôn mặt của Tinô lộ vẻ thích thú vì ngỡ được đi chơi cùng bố và mẹ nhưng có lẽ nó nhận ra sự im lặng căng thẳng của chúng tôi nên không hề bi bô như những lần được đi xe gắn máy. Đứng chệt giữa chúng tôi, bá cổ bố và xoay người trong vòng tay ôm của mẹ, nó chỉ lặng lẽ nhìn cảnh vật hai bên đường. Những cơn gió hiu hiu trên đường không làm cho mắt nó sụp xuống và tôi không biết đến khi nào lượng thuốc ngủ mới tác dụng được. Khoảng hơn bốn mươi phút xe chúng tôi mới đến chân đèo Rù Rì, thế mà Tinô chẳng hề có chút dấu hiệu nào tỏ ra buồn ngủ. Chồng tôi nói Long ghé vào quán nước bên đường vì lúc bấy giờ chỉ mới năm giờ ba mươi lăm phút. Chỉ có hai người chủ quán và bốn người công nhân làm đường ngồi hai bàn khác nhau trong quán nhưng chúng tôi hết sức thận trọng. Cố tình cho mọi người tưởng mình là người lỡ đường trong chuyến đi chơi từ Ninh Hòa về thành phố Nha Trang, chúng tôi trao đổi với nhau bằng những câu lớn tiếng. Nhưng đến khi cùng tùm tùm ở một bàn nước tách biệt, chúng tôi nói bằng giọng thì thầm vừa đủ nghe. Long cho biết chỉ cần mười phút là nó có thể lái chúng tôi đến đỉnh đèo. Chồng tôi đề nghị đến trễ hơn giờ hẹn khoảng ba hay năm phút để tránh chuyện đổ bộ ồ ạt của các nhóm người vượt biển. Khuôn mặt đầy lo lắng của anh cho tôi biết là tinh thần anh đang bấn loạn với chuyện bị bắt. Chẳng khác gì anh, chuyện bị bắt quả tang trong lúc công an tuần bắt ngờ luôn ám ảnh trong đầu tôi nhưng tôi

cố gắng trấn an anh là có thể đã có một chiếc xe đồ đạc sẵn trên đỉnh đèo chờ đón người vượt biển bằng chuyện dàn cảnh xe hư dọc đường. Tôi còn thuyết phục anh là có thể những người tổ chức sẽ chở mọi người đến bãi biển nào đó như Lương Sơn, Đại Lãnh hay Sông Cầu rồi bắt chờ đến khuya để được người đưa ra ghe bởi vì theo kinh nghiệm của những chuyến đi trước, chưa bao giờ có chiếc ghe vượt biển nào xuất phát trước lúc nửa đêm. Từ sáu giờ chiều đến lúc ấy phải là khoảng thời gian vận chuyển đến bãi biển và thời gian chờ đợi tình thế an toàn trước khi khởi hành. Chồng tôi im lặng tỏ vẻ tán thành khi nghe tôi nói. Cùng nhau bàn luận thêm một lúc, chúng tôi đồng thuận là giữ đúng giờ qui định.

Đồng hồ của Long chỉ sáu giờ, chúng tôi đến đỉnh đèo Rù Rì đúng như kế hoạch. Cảnh vật im lìm và con đường vắng vẻ trên đèo cao khiến đều chúng tôi hoang mang lo sợ. Trên con đường nhựa duy nhất trên đỉnh đèo, không có chiếc xe nào dàn cảnh hư như tôi ước đoán và cũng không có chiếc xe nào chạy ngang qua. Long tấp xe vào một bên đường, nơi có nhiều bụi cây thâm thấp lẫn những khóm cây um tùm, đối diện với những khối đá chồng chơ vơ không cây lá ở lề đường bên kia, dáo dác nhìn quanh. Khuôn mặt nó lộ vẻ lo sợ chẳng khác gì chồng tôi và tôi. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến vẻ hoang vắng và man dại của đèo Rù Rì trong màu lam nhạt của trời chiều. Gió trên cao thổi mạnh từng cơn. Những tiếng rít của những cơn gió khiến tôi cảm thấy rờn rợn. Quay ra sau, tôi cảm thấy hãi hùng hơn. Màu xanh thẫm của cây rừng và sự trùng điệp của núi đồi xuôi thoải về phía dưới sâu tạo nên một vẻ huyền bí và mơ hồ cho người quan sát. Chồng tôi kinh hãi chẳng khác gì tôi vì sự vắng vẻ và hoang dại của cảnh vật. Chúng tôi đã từng tham gia nhiều lần vượt biển nhưng chưa bao giờ chúng tôi trải qua một điểm hẹn trên đỉnh cao, nơi không nhà ở, không bóng người trong sương chiều mờ ảo như thế. Trong lúc phân vân chưa biết nên đi về hay đứng chờ, chúng tôi chợt thấy vài người đang xăm xăm đi lên từ dưới dốc đèo ở hướng đối ngược. Nhìn họ lơ ngơ giữa đường lộ với những chiếc xích nhỏ bên hông, chồng tôi hốt hoảng quay sang Long, hiện đang ngồi trên xe, nói một cách vội vã:

“Long lái xe đi ngay đi! Đi mau đi, chứ nhiều tốp người cùng một lúc như vậy công an đi ngang bắt hết cả thì vạ lây!”

“Anh chị đi bình an!” Long nói xong, nổ máy, rồ ga, và tăng tốc vụt đi.

May là đường Quốc Lộ lúc này không có một chiếc xe nào qua lại. Nếu không, hai nhóm người lố nhố của chúng tôi sẽ tiết lộ đây là

những người đang chuẩn bị trốn ra khỏi nước và sẽ bị rắc rối bởi sự lục xét và chất vấn của công an. Dù vậy, chúng tôi chẳng biết là mình sẽ được đón đi với hình thức nào và phải trốn ở đâu để người đón có thể tìm ra. Trong khi vợ chồng chúng tôi lúng túng nhìn nhau vì không biết phải đi hay đứng ở đâu, một giọng nói giục giã vang lên từ phía sau lưng:

“Ê! Vào đây nè! Chạy vào trong này mau lên!”

Quay về phía các bụi cây ở viền núi thoải xuống biển, tôi thấy một người thanh niên đang ngoắc tay với khuôn mặt hốt hãi. Theo hướng chỉ của người thanh niên này, chồng tôi vội vã xách chiếc giỏ lớn chạy vào trong các bụi cây. Tôi vừa cặp Tinô một bên nách vừa mang chiếc giỏ nhỏ bên hông cũng chạy theo, nhanh không kém. Khi đi tìm chỗ nấp, tôi thấy vài người đang ẩn mình sau các bụi cây. Có lẽ họ ngồi chờ trước khi chúng tôi đến từ lâu lắm nên mỗi người im lặng ở mỗi nơi cố định.

Nhóm người vừa lên dốc cũng được một thanh niên khác báo cùng thông điệp:

“Đừng đứng ở ngoài đường nữa! Mau tấp vào các bụi cây bên trong này nè!”

Nhóm đến sau, mỗi người mỗi ngã, hấp tấp như tôi, đi tìm các bụi cây cao nhất và rậm nhất để ẩn mình vì nơi đây chỉ toàn những bụi cây lụp xụp và thưa thớt. Ý nghĩ sẽ bị bắt bởi điểm hẹn khá lộ liễu, tôi đã tìm chỗ nấp khác chỗ của chồng tôi. Tôi đã chuẩn bị là nếu bị công an phát hiện, sẽ ở lại chịu trận chứ không thể anh liên lụy theo. Vì muốn anh có thể thoát thân một mình mà không phải cáng đáng vợ con, tôi đã chia đều các thứ lương thực kể cả áo quần của Tinô cho hai chiếc giỏ của chồng tôi và của tôi trước khi chuẩn bị hành trang lên đường. Âm ảnh với trường hợp người đi, kẻ ở lại, tôi còn sắp sẵn kế hoạch phải làm gì nếu phải tìm đường trở về nhà một mình. Tôi đã định là sẽ quăng các thứ liên quan đến chuyện trốn ra khỏi nước rồi giả làm kẻ lỡ đường nếu phải bị trường hợp như thế. Một người đàn bà dẫn theo một đứa con gái cỡ mười sáu tuổi đến nấp cùng một bụi rậm với tôi, hỏi:

“Mình có cần vào trong sâu không?”

“Không!” Tôi đáp nhỏ rồi nói thêm, “Ở chỗ này, mình có thể nhìn ra ngoài đường thăm chừng. Có xe đến rước là mình chạy ra đi ngay.”

Người đàn bà chau mày:

“Xe đến rước? Tôi có nghe xe nào đến rước đâu? Tôi nghe là mình phải đi trong rừng để đến bãi mà!”

Nửa tin nửa ngờ với sự tiết lộ tôi vội quay đầu ra phía sau. Hàng hàng lớp lớp cây cối chi chít và thoai thoải theo núi đồi kéo tận dưới sâu khiến tôi không thể nào tin đó là con đường đi đến bãi, nhưng khi tôi đảo mắt về phía đường lộ mà chẳng thấy một chiếc xe nào dừng lại thì tôi chẳng hiểu người tổ chức sẽ đưa mình đi theo hướng nào và bằng phương tiện gì. Bàng hoàng vì không định rõ chuyện thực hư như thế nào và lo lắng vì không chuẩn bị cái điếu con như C. Sợn dợn, tôi bỗng nghe Tinô khóc òa trong tức tưởi. Nó mếu máo gọi bố liên hồi khiến người đàn bà ngồi cạnh bên giãy nảy:

“Trời ơi! Chị có bịt miệng nó lại ngay không! Để nó khóc như vậy, lộ ra, công an bắt mình chết.”

Không thấy tôi có phản ứng nào đáp lại lời yêu cầu của mình, bà hỏi liên tiếp:

“Chị có cho con chị uống thuốc ngủ chưa vậy? Dem con nhỏ theo như vậy mà chị không cho nó ngủ thì làm sao vượt biên được?”

Vừa dỗ dành Tinô, tôi vừa trả lời: “Tôi đã cho nó uống thuốc ngủ rồi nhưng không hiểu sao đến giờ thuốc vẫn chưa thấm.”

Người đàn bà hỏi rất nhanh:

“Chị cho uống bao nhiêu rồi? Chắc chị cho nó uống ít quá nên nó chưa ngủ được chứ gì?”

“Tôi đã cho nó uống gần một muống canh rồi.”

“Một muống canh? Chỉ một muống canh thôi thì làm sao đủ độ cho nó được? Chị cho nó uống thêm đi! Ít nhất phải thêm hai muống canh nữa! Chứ nó khóc như vậy trước sau gì mình cũng bị công an bắt!”

“Tôi không mang thuốc ngủ theo. Nếu có, tôi cũng không cho con tôi uống.”

Tôi nói với giọng gắt gỏng, rồi ôm xốc Tinô đứng lên định tìm lùm cây khác để núp. Đúng lúc ấy, chồng tôi đến:

“Đi mau lên em! Họ nói là mình phải lên đường ngay chứ không kịp.”

Ngơ ngẩn vì không hiểu chuyện gì xảy ra và tại sao phải đi sâu vào các lùm cây thay vì chờ xe đón ngoài đường Quốc Lộ nhưng tôi vẫn phải ôm Tinô và kẹ nẹ chiếc giỏ bên hông chạy theo mọi người. Chồng tôi hiểu sức nặng của Tinô và chiếc giỏ không làm tôi đi nhanh được nên ghé tay xách thêm chiếc giỏ mà tôi đang mang rồi thì thào bảo tôi bước nhanh hơn. Những người đi trước tôi, không ai nói với ai lời nào, người sau nối đuôi người trước thành một hàng ngay ngắn như đã được căn dặn trước. Đi càng sâu vào các lùm cây thâm thấp mọi người càng đi rất nhanh, không khác nào đoàn lính ào

ào tiến về cứ điểm, vì vậy, có lúc tôi có cảm tưởng như mình sắp sửa bị họ bỏ rơi. Chồng tôi cố gắng bước nhanh nhưng phải khệ nệ vì hai chiếc giỏ khá nặng; cho nên, có lúc tôi phải vượt anh, chạy theo sau những người đi trước để khỏi bị mất dấu. Càng đi chúng tôi càng nhìn mọi vật khó khăn hơn. Chẳng mấy chốc, vạn vật chìm hẳn vào bóng tối. Các lùm cây trở thành những bóng đen dị dạng trong không gian lam mờ huyền ảo. Nếu không căng mắt nhìn kỹ những người đi trước để nhận rõ hướng di chuyển của họ tôi sẽ không biết họ ở đâu vì bóng của họ như bị nuốt chửng và hòa lẫn trong những lùm cây đen dày đặc xung quanh. Thỉnh thoảng người dẫn đường dùng đèn pin rọi đường để ra dấu cho chúng tôi bước theo. Bước đều đặn, không ai nói với nhau lời nào cũng như không hề hỏi người dẫn đường đang dẫn chúng tôi đi đâu. Hình như mọi người đều sợ tiếng nói của mình có thể vang đến một đồn gác nào đó của du kích hay công an biên phòng.

Gió mát của núi làm Tinô ngủ gật trên vai tôi. Ôm chặt nó vào ngực có lúc tôi chạy thật nhanh, nhưng có lúc tôi phải dừng lại phụ chồng tôi xách một quai của chiếc giỏ lớn rồi giục anh đi mau hơn. Dù cố gắng thế nào, vợ chồng chúng tôi luôn cách đoàn người đi trước một khoảng nhất định. Càng lúc, sức mạnh của hai chiếc giỏ càng trì kéo hai bước chân của chúng tôi, thế nhưng, chúng tôi không thể quẳng bớt vài thứ để bước nhanh hơn. Phần lớn trọng lượng của chúng đều từ các bình nước dành cho Tinô bảy ngày ở trên ghe. Âm ảnh chuyện đói khát và chết khô của những chuyến vượt biển bất hạnh được nghe, chúng tôi quyết đem tối đa số lượng nước dành cho con mình cho dù phải vận chuyển khó khăn như thế nào.

Những người đi trước chúng tôi chỉ quan tâm đến hướng tiến đến hơn là nhìn lại phía sau họ xem người theo họ có bị bỏ rơi hay không. Họ, không khác chúng tôi, nếu không đi nhanh, và không nhìn kỹ người đi trước, sẽ mất dấu trong tích tắc và sẽ bị lạc ngay. Cứ thế, chúng tôi cùng lầm lũi bước đi; không ai nói với ai điều gì và cũng chẳng để tâm đến người sau lưng mình. Riêng tôi, là người đi cuối cùng, vì sợ sự truy kích bất thần nào đó của công an, thỉnh thoảng ngoảnh lại nhìn sau lưng. Mỗi lần nghiêng đầu nhìn ra sau, tôi chỉ thấy những đám cây đen và đỉnh núi đá xa mờ trong màn sương. Thất vọng vì sự việc không diễn ra như mình phỏng đoán, tôi canh cánh lo sợ khi nghĩ đến sự chưa chuẩn bị cho đoạn đường phải đi đến đích.

Lúc này, tôi bước vất vả hơn vì Tinô đã buồn ngủ mà không

chịu úp mặt vào vai tôi. Nó không thích lối ngủ ngồi nên nhất quyết ngã người ra sau tìm chỗ nằm. Mắt nhắm mắt mở trong trời đen như mực, tưởng cái giường đã chuẩn bị sẵn sàng cho mình sau lưng như bao lần ở nhà, nó nhất định ườn người ra sau đòi nằm dài thoải mái mới thôi. Thua cuộc, tôi chiều nó bằng cách ôm ngửa trên hai cánh tay mình trong khi bước liên tiếp.

Đi thêm một quãng, đoàn người đang đi nhanh đột nhiên bước chậm lại và tản hàng. Một lạch nước ngăn trước mặt khiến cả bọn phải lục tục cúi mình để xấn quần bó vể. Mặc dù con lạch chỉ rộng chỉ khoảng ba sải tay của một đàn ông tầm vóc trung bình nhưng không ai dám lội qua vì chưa biết rõ độ nông sâu của nó như thế nào. Trong khi mọi người đứng thành hàng ngang để chờ lội theo sau người dẫn đường, chồng tôi giục tôi trao Tinô cho anh ẵm qua. Chuyền nó sang cho anh xong, tôi gấp rút kéo lai quần lên bó sát vào đùi rồi vác hai chiếc giỏ hai bên vai lội theo cạnh. Đến giữa dòng, anh bị trượt bởi những hòn đá trơn tuột dưới chân, té ngửa văng Tinô rớt ùm xuống nước. Đang ngủ ngon, bị ngộp, Tinô sặc sụa thét lên kêu mẹ inh ỏi. May là tôi đi cạnh, nên khi nó vừa rơi xuống là tôi phụ chồng tôi vớt nó lên ngay. Sang đến bên kia bờ, chúng tôi vội vàng lấy khăn lau khô rồi thay áo quần cho nó. Khi mọi người quần quít hỏi han, tôi cất giọng van nài:

“Xin tất cả làm ơn đi chậm lại! Tôi có con nhỏ như thế này mà mọi người đi nhanh quá tôi không theo kịp đâu.”

Một người đàn ông nào đó phản nản:

“Chẳng cần gì có con nhỏ. Tối đen như vậy mà mạnh ai nấy đi kiểu như hồi nãy thì một hồi không biết ai còn ai lạc.”

Nghe lời này, mọi người đồng ý họp lại kiểm đếm số người hiện diện rồi chia hai người dẫn đường một đi trước, một đi sau. Thỏa thuận đâu đó, chúng tôi an tâm tiếp tục lên đường. Mọi người tỏ ra cởi mở và quan tâm với nhau hơn qua những lời đối thoại thì thầm. Còn Tinô, tuy ẵm áp trong bộ đồ mới và được ẵm ngửa như mong muốn nhưng không ngủ lại được. Có lẽ vì không tin rằng mình ở trong vòng tay của mẹ, nó mở mắt thao láo nhìn tôi không chớp. Khi chồng tôi giơ tay đòi bế để xin lỗi cái sơ xuất của mình, nó lắc đầu quay đi rồi bá chặt cổ tôi nói “Má! Mẹ! Má! Mẹ!” Thế là tôi lại ôm đầu và mộng nó trong thế ngồi như lúc ban đầu trong khi bước đi. Người thanh niên đi sau tôi, hình như ám ảnh cảnh Tinô rơi xuống nước, luôn miệng hỏi thăm sức khỏe của nó. Điều này làm tôi cảm thấy an tâm về tính đàng hoàng và nhân hậu của những người đồng hành với mình và hy vọng rất nhiều về sự thành công của chuyến đi.

Chúng tôi đi rất lâu thì đến một nơi rất quang đãng. Những hàng cây thâm thấp của vùng này mọc rất thưa thớt và thẳng hàng. Những nhánh xòe như dạng cây đu đủ của chúng khiến tôi ách chừng đó là một rẫy khoai mì. Xuyên qua rẫy này, chúng tôi đi vào một khu vườn đầy cây ăn quả. Tại đây, người thanh niên dẫn đường đã dừng lại tại một gốc cây ít cành, thưa lá và bảo chúng tôi nghỉ một chút. Anh với những nhánh cây trên đầu, bứt trái, bỏ vào miệng nhai, rồi nói:

“Anh chị nào muốn ăn chùm ruột cho đỡ khát thì hái đi.”

Hai người đàn bà và mấy đứa nhỏ lao xao với cành. Giọng nói của một bà vang lên:

“Để tôi hái ít trái đem theo, phòng khi xuống ghe không có nước uống.”

Nghe thế, tôi cũng bắt chước hái vài chùm bỏ vào túi áo của mình.

Những người đàn ông không hề quan tâm đến chuyện đói khát. Họ đặt hàng loạt câu hỏi cho hai người dẫn đường với giọng đầy hệ trọng và nghiêm trang: “Khi nào mình tiếp tục?”, “Có kịp giờ không?” và “Còn bao lâu nữa mới đến nơi?”

“Mình nghỉ một chút là phải đi ngay. Bên ghe hẹn mình ở bãi từ một giờ đến ba giờ. Nếu đến ba giờ mà không thấy mình họ sẽ đi luôn.” Người dẫn đường đáp bằng một giọng nghiêm trang không kém.

“Vậy thì mình đi ngay đi! Càng sớm càng tốt. Chẳng thà đến trước giờ hẹn còn hơn bị trễ.” Một người đàn ông nói.

“Chỉ mong là mình đến đúng giờ hẹn bởi vì đường đi sắp tới rất gập ghềnh.” Người dẫn đường đáp lại với giọng hết sức lo âu.

“Hơn nữa, nhóm mình phần đông là đàn bà và con nít không biết có đến bãi kịp không? Các chị các em cố gắng đi theo chúng tôi thật nhanh. Nếu không kịp giờ, ghe sẽ bỏ mình lại đó. Ông chủ ghe đã giao hẹn là không chờ.” Người thanh niên đi cuối nhóm sau khi Tinô bị rớt xuống sông, nói thêm.

Không ai đáp trả một lời; mọi người vội vã lục tục đứng dậy chuẩn bị lên đường. Tôi đã rút chiếc đèn pin trong giỏ ra khi đứng lên. Khi thấy tôi mở đèn để thử, người dẫn đường đi đầu cảnh cáo:

“Tôi xin dặn trước là không ai được dùng đèn. Mặc dù chúng ta phải đi trong tối trên con đường gập ghềnh nhưng phải lần bước theo nhau mà đi chứ không được bấm sáng đèn để soi đường. Nếu mà mấy anh chị không nghe lời, bị công an phát hiện thì đừng có trách.”

Tôi không hỏi lại mặc dù rất thắc mắc tại sao anh ta bấm sáng đèn pin sau khi cảnh báo chúng tôi như thế. Kiểm soát người hiện diện xong, người thanh niên dẫn đường này bảo chúng tôi đi theo.

“Cần phải đi ngay chính giữa để khỏi bị lạc!” Tôi đã nghĩ vậy khi chen vào sau lưng người thứ năm của đoàn người.

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Bốn

Khi chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình của mình thì Tinô bắt đầu trở lại với giấc ngủ dở dang của nó. Lúc này Tinô đã quen với tư thế ngủ ngồi nên tôi có thể dùng bàn tay mình bọc đầu và ôm hông nó khi xuyên qua những nhánh cây lòa xòa. Đường đi bây giờ chỉ còn một lối hẹp nên đoàn người chúng tôi hoàn toàn lệ thuộc vào nó khi đi theo sau người dẫn đường. Thỉnh thoảng, người thanh niên đi đầu này dừng lại bấm đèn, quét lớp sáng phớt dài về phía chúng tôi như để kiểm soát mọi người sau lưng hơn là rọi đường. Còn chúng tôi bước thận trọng hơn vì trong tâm trí vẫn còn ám ảnh những lời cảnh cáo của anh. Thực tế, đường đi thỉnh thoảng có những gò đá lổn nhổn trong đất chứ không như chữ gập ghềnh mà anh đề cập trong vườn cây. Tuy nhiên, càng đi, con đường càng quanh co khúc khuỷu và hẹp hơn bởi những bụi cây cao vút và rậm rạp. Những cành lá sum sê không những che cả bầu trời mà còn chắn cả lối đi, cho nên có lúc tôi phải nghiêng mình dùng lưng tét chúng qua một bên để bước qua, cốt không để những nhánh lá đâm chọc vào lưng hay cào xước đầu Tinô. Với cách đi như thế tôi hứng chịu mọi cái va quệt và cản trở từ những nhánh lá và những bụi gai rùng. Chúng châm vào lưng tôi và thỉnh thoảng kéo rách vài mảnh quần áo của tôi.

Qua đoạn đường ngoằn ngoèo và um tùm cây lá khoảng ba mươi phút những người đi trước bước chậm hẳn. Một lúc sau, họ cùng đứng lại và dồn vào một chỗ mà khi đến gần họ tôi cảm thấy như mình vừa mới bước ra khỏi hang động tối tăm. Trước mặt tôi là khoảng không quang đãng mà xa hơn là rừng cây đen dày đặc vừa kéo tận xuống dưới vừa vươn lên tận đỉnh cao. Rất nhiều dải mây trắng bồng bênh xuyên qua các ngọn cây, chậm chạp trôi về đỉnh núi để hội tụ với muôn vàn cụm mây màu trắng đục cao thấp không đều. Những dải mây bàng bạc đã trang điểm cho đỉnh núi một vẻ non bồng chẳng khác gì cảnh thiên thai trong truyện thần tiên. Không những chỉ tôi, mọi người đều ngơ ngẩn trước vẻ đẹp man dại và bí ẩn của rừng đêm. Tuy nhiên, chưa kịp trọn vẹn thưởng thức tuyệt tác của thiên nhiên, chúng tôi đều phải theo tiếng hối giục giã của người thanh niên đi đầu. Lúc này, chúng tôi phải chờ nhau để tuần tự leo xuống. Trong khi chờ những người đi đầu lom khom tìm lối một cách khó khăn, tôi cảm nhận con đường mình sắp tiếp tục rất hiểm nghèo và trắc trở. Chồng tôi, có lẽ cũng cảm giác như tôi, bảo để anh đi trước thăm lối rồi chỉ đường cho tôi ẵm Tinô theo sau. Nghe lời anh, tôi nương đường và rồi đứng chờ hướng dẫn. Lúc này chúng tôi không có thể đi lại như trên đường bằng mà phải bò hoặc leo xuống những tảng đá thấp hơn. Chúng tôi di chuyển rất chậm chạp và vất vả để vượt qua con đường gập ghềnh trong màn đêm đen tối. Những người theo sau chúng tôi thường phải chờ rất lâu vì vợ chồng chúng tôi vừa phải chuyển vật vừa phải chuyển người. Những người đi trước chúng tôi cũng chẳng thể bước nhanh hơn vì chẳng ai ý niệm được con đường mình đang bước là con đường như thế nào và nhìn rõ nó ra sao. Mò mẫm theo từng ghềnh đá, chúng tôi, người sau lần theo người trước qua tiếng nói nhắc nhở của nhau mà thôi. Trong lúc chúng tôi ở vào tình trạng khó khăn như thế, người dẫn đường không hề rọi sáng cho chúng tôi một lần nào và cũng chẳng hề hỏi chúng tôi có thấy đường không. Như người mù vô vọng với bóng tối, có lúc tôi ngước mặt lên trời mong có ánh sáng ban ơn, thế nhưng, càng nhìn lên trời cao tôi càng tuyệt vọng hơn. Đêm không trăng mà màu lam trắng của bầu trời đang chuyển dần sang màu xám. Khá nhiều đám mây che kín bầu trời khiến vũ trụ tối sầm hẳn đi. Đã vậy, càng leo xuống càng gặp nhiều ghềnh đá với độ sâu khá lớn cho nên chúng tôi di chuyển rất chậm. Tôi thường phải dò dẫm tìm chỗ an toàn và thuận tiện nhất rồi mới ôm Tinô leo xuống theo sự chỉ dẫn của chồng tôi. Có lúc tôi phải loay hoay với đôi dép trên tay vì sợ bị

trượt cả mẹ lẫn con nhưng rồi phải mang trở lại vì mặt đá có khá nhiều chỗ bén nhọn như khảm dao đing. Khi dừng trên một tảng đá mà bờ vực của nó có khoảng cách khá xa nơi chồng tôi đứng bên dưới, tôi quyết định dùng chiếc đèn pin của mình rọi xem nơi nào là chỗ an toàn để chuyển Tinô xuống cho anh. Ánh sáng vừa lóe lên, hàng khối đá gồ ghề lởm chởm bên dưới hiện ra khiến tôi choáng váng. Trong lúc chưa nhận thức rõ ràng thực tế mình vừa chứng kiến và phân vân tìm nơi an toàn để chuyển Tinô xuống dưới, tôi giật mình bởi tiếng la thất thanh:

“Ai bật đèn đó? Tắt ngay!”

Vội vàng làm y theo lời nhưng tôi không cảm thấy hổ thẹn vì đã vi phạm những quy định mà người dẫn đường yêu cầu trước khi khởi hành. Trái lại, tôi rất tức tối vì sự dẫn đường ngu xuẩn của người đi đầu đối với người có con nhỏ như tôi và những đứa trẻ độ tám và mười tuổi sau lưng tôi. Cùng với cảm giác bực bội trong lòng, tôi cảm thấy uổng công khi vi phạm điều quy định. Bởi vì sự lóe sáng trong chốc lát của cây đèn pin không giúp cho tôi rõ chỗ nào là nơi tôi có thể đưa Tinô xuống an toàn nơi chồng tôi đang đứng. Điều mà tôi nhớ được chỉ là hàng khối đá tảng bên dưới và độ cao từ chỗ tôi xuống chỗ chồng tôi rất là xa.

Từ dưới, chồng tôi nói lên:

“Em chuyển Tinô xuống đây cho anh đi! Khi đón được con rồi anh sẽ báo cho em biết. Lúc đó em hãy thả tay ra.”

Nghe lời anh, tôi ngồi xuống cạnh bìa ghềnh, xốc Tinô bằng hai tay ở hai bên nách của nó rồi từ từ chuyển xuống. Chồng tôi phải nhón người với tay lên mới đón được Tinô rồi hướng dẫn tôi leo xuống. Khi xuống đến cạnh anh và bế Tinô lại, tôi nghe những tiếng cằn nhằn của người dẫn đường đi đầu. Có lẽ anh ta muốn đổi mặt với tôi để mắng một trận cho hả giận nhưng bởi sự leo trèo không được dễ dàng khiến anh chỉ có thể nói lảm bảm bên dưới mà thôi.

Kéo lê hai chiếc giỏ theo mình để tiếp tục leo xuống, chồng tôi căn dặn:

“Em đừng bật đèn nữa! Người ta đã dặn thế mình đừng nên trái lời. Anh cố gắng dò nơi an toàn rồi hướng dẫn cho em đưa con

xuống. Không cần phải hấp tấp làm gì.”

Thế là theo cách đã bàn, chúng tôi chậm chạp thực hiện các động tác dò dẫm, trườn bò, chườn đưa và trao nhau bông bế con để lần theo những người đi trước. Tuy các bước tiến hành rất khó khăn nhưng đã không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Mắt của chúng tôi dường như đã quen dần với màu đen của đêm, với những bóng người lơ mờ quanh mình và cả nền đá sắc cứng dưới chân. Sau lưng tôi, thỉnh thoảng vang lên tiếng khóc của hai thằng bé, tiếng dỗ dành của người mẹ, tiếng than van về chuyện mất dép và chuyện tìm kiếm. Tất cả nhắc nhở tôi giữ chặt đôi dép của mình hơn khi trườn bò trong cảnh mù mù tăm tắp. Với những người vượt biển như chúng tôi, chúng là vật tùy thân quý giá cho lúc phải quay trở về. Dù sao, vật bất ly thân này của tôi chỉ bảo vệ phần dưới bàn chân tôi. Mu bàn chân của tôi không tránh khỏi những vết cứa cắt khi cạ qua những tảng đá lởm chởm trong lúc trườn xuống. Có lẽ mọi người đều có chung tình trạng như tôi nên đã có không biết bao lời than vãn vang lên. Trong khi cùng nhau oán tránh người tổ chức ngu si chọn con đường đầy nguy hiểm, chúng tôi phải im bật vì cơn mưa ập xuống bất ngờ. Như trút từ thác trời, mưa rơi một cách mạnh mẽ và dữ dội. Màn nước dày đặc của nó đã chìm chìm màn đen của tối và hình ảnh mờ mờ của vạn vật xung quanh. Đang ôm Tinô ngồi chờ chồng tôi leo xuống, tôi hốt hoảng cong lưng che cho nó khỏi ướt. Nhiều tiếng kêu trời, tiếng chửi rủa lẫn tiếng kêu giúp vang lên nhưng tất cả đều bị át bởi tiếng mưa rào rào trên lá lẫn không gian. Xối xả trên đầu, trên người chúng tôi rồi ào ạt tuôn tràn xuống dưới, nước mưa tạo thành vô số dòng lênh láng trên mặt đá. Lúng túng, mọi người đều phải dừng các động tác leo, bò, bám hay tuột để tìm cách chống chọi sự ướt át và trơn trượt. Chồng tôi đang định leo xuống phải trườn người ngược lên trên, thụp xuống ngồi sát bên cạnh tôi để cùng che cho Tinô. Dù cố gắng biết bao nhiêu nhưng cả chúng tôi và nó đều bị ướt sũng. Hối hả lục trong chiếc giỏ lớn, chồng tôi rút bộ đồ của Tinô ra và bảo tôi thay ngay cho nó. Tôi làm y lời trong khi vẫn khom lưng cùng anh làm mái che. Bộ đồ vừa thay xong, Tinô ướt chẳng khác nào chuột lột. Còn chúng tôi, vắt tóc, vuốt mặt, giũ áo quần nhiều lần mà nước vẫn ướt đầm từ đầu đến chân. Tôi chẳng hề dám nhúc nhích để thay đổi tư thế ngồi cho dù đôi chân rất mỏi và đôi dép bên dưới không chịu đựng được sự trơn láng của những dòng tuôn trên mặt đá. Cố gắng lắm tôi mới ghé đầu về phía sau

và chòng chọc mắt tìm hiểu. Trên cao, vài tia chớp lóe lên rồi lịm vào trong bầu trời đen kịt. Những đám mây trắng đục trở thành màu xám đen dày đặc mang mưa giăng kín khắp mọi nơi. Phỏng đoán những dòng nước đang chảy rùng rùng dưới chân mình do kết quả từ những cơn mưa trên đỉnh, tôi cảm thấy oán giận người tổ chức vô cùng. Tôi không hiểu vì sao họ có thể ngu xuẩn đến độ chọn con đường chỉ toàn đá mà đòi hỏi chúng tôi ra đến bãi đúng giờ. Tệ hại hơn, khi trù tính dùng con đường gập ghềnh này có lẽ họ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện phải đối phó với sự ngập tràn của nước mưa rừng như thế. Trong khi chúng tôi phải khựng lại vì nước mù mịt trong không gian và lán trơn trên đường đi, người dẫn đường đi đầu nhấp sáng đèn về phía sau, hồi thúc:

“Cố gắng đi nhanh thêm chút nữa đi anh chị ơi! Nếu mà chậm như thế này, mình sẽ bị bỏ lại vì trễ đó.”

Nghe vậy, chúng tôi đành phải cố gắng dịch bước nhanh hơn để tiến theo gót người đi trước. Tôi giận bản thân rất nhiều vì khi chuẩn bị mọi thứ cho cuộc hành trình tôi đã không nghĩ đến chiếc áo mưa. Cũng như tôi, chắc những người trong nhóm không hề nghĩ đến nó vì đài khí tượng chẳng hề nhắc nhở gì đến chuyện mưa gió trong phần dự báo thời tiết hôm qua. Hơn nữa, những ngày này thời tiết nơi địa phương chúng tôi rất đẹp, có ai ngờ sẽ có những cơn mưa lớn xảy ra như thế đâu. “Hay bởi mây trôi về núi vào ban đêm mà nước rơi ồ ạt như thế này?”, “Hay là rừng thường có những cơn mưa khi về đêm?” Tôi đặt nhiều câu hỏi trong lúc vừa thay đồ bộ đồ khác cho Tinô vừa ôm nó trườn theo chòng tôi. Lần này chúng tôi không thể dùng phương cách người đi trước, người chuyển sau như đã làm. Trì lững vào đá trơn lán, tôi ôm Tinô trượt đến nơi chòng tôi vừa leo xuống khi nghe hồi thúc của những người đi sau. Trong cái dữ dội của mưa rơi và sự trơn tuột của đường đi, chòng tôi chỉ có thể giúp tôi lấy những bộ đồ cho Tinô và cất những bộ đồ ướt của nó vào trong giỏ trong khi khệ nệ khuân chuyển hai chiếc giỏ theo bên mình. Hai cái giỏ nặng trĩu bởi trọng lượng vốn có lẫn áo quần ướt và nước mưa khiến anh không thể làm hơn thế. Khi bộ đồ cuối cùng của Tinô bị ướt nhẹp mà mưa vẫn chưa ngớt, tôi đành hỏi anh lấy chiếc khăn lông đã sử dụng khi Tinô bị té dưới sông để lau và quấn cho nó. Chỉ trong tích tắc, chiếc khăn ướt sũng chẳng khác gì những bộ đồ trên người chúng tôi. Nước mưa làm Tinô tỉnh ngủ nhưng nó không kêu khóc vì lạnh run. Trong tình thế hiểm nghèo ấy, tôi hoảng

loạn bấm sáng đèn để xem xét tình trạng sức khỏe của con mình. Lần này, người dẫn đường đi đầu nhất định không tha tôi nữa. Anh cố gắng leo ngược lại, trực diện với tôi trên tảng đá mà tôi đang đứng, hét lớn:

“Chị có nghe tôi nói mấy lần là không được bấm đèn sáng không vậy?”

Tôi tắt đèn nhưng hét lại, lớn không kém:

“Thế tại sao anh bấm đèn được? Anh đừng ý là người dẫn đường rồi muốn làm gì thì làm! Là thanh niên mà bấm đèn để tìm đường an toàn đi, còn tôi có con nhỏ như thế này thì không cho tôi dùng đèn! Nói cho tôi biết cách nào để tôi có thể bồng đứa nhỏ một tuổi rưỡi đi trên đường đầy đá lởm chởm, trong bóng tối mịt mù và dưới trời mưa lớn như thế này đi!”

Người dẫn đường bấm đèn sáng rọi vào mặt Tinô. Đôi mắt kinh hoàng của nó nheo lại vì nước mưa rơi và ánh đèn chói nhưng đôi môi nó tím ngắt của nó không thể bật nổi tiếng khóc vì cóng. Đôi mắt của người dẫn đường kinh hoàng chẳng khác đôi mắt của Tinô. Tắt đèn, anh chửi đồng:

“Đ. má lũ ngu! Cỡ tuổi này mà tụi nó cũng nhận cho đi! Thăng nhỏ chắc chết thôi!”

Lúc này tôi mới nhớ lời dặn dò của C. Sợ về cái nải, miếng vải địu của những người đàn bà dân tộc thiểu số thường địu con nhỏ sau lưng khi đi lại hay làm việc. Có lẽ nàng chỉ nghĩ là tôi sẽ đem Tinô xuyên qua rừng nên căn dặn kỹ lưỡng về miếng vải địu con chứ không tưởng tượng cảnh tôi mò mẫm trong con đường đầy đá gồ ghề, lởm chởm trong lúc đứng dưới cơn mưa rừng thật lớn. Với miếng nải thượng, dù không bị mưa chẳng nữa, tôi cũng không thể địu Tinô như người dân tộc thiểu số địu con bởi vì khi bò trườn tôi có thể gây thương tích cho nó bằng những cái va đầu vào đá. Dù sao thì trí óc của tôi không đủ tỉnh táo để phân tích chuyện phải trái. Tôi chỉ muốn Tinô được khô ráo để không bị rét cóng mà thôi.

Người dẫn đường hạ giọng, nói như tâm tình:

“Sở dĩ em không cho ai bật đèn mà em bật đèn vì em biết cách. Như lúc này, em đứng trước mặt chị, lưng che phía trước thì em có

thể bám đèn. Còn chị đứng trên cao, soi đèn xuống dưới tìm đường bước đi thì không được. Nói tóm lại, nếu bây giờ chị muốn bám đèn soi lối để ẵm cháu đi thì có thể chấp thuận nhưng chị phải quay ngược lưng lại trước khi bám đèn và cố gắng che ánh sáng không cho nó lóe xuống dưới.”

Nhìn khuôn mặt ngơ ngác của tôi, anh ta nói tiếp:

“Chị nhìn xuống đi! Trước mặt chị, dưới xa ấy là biển. Nếu nhìn kỹ chị sẽ thấy những chấm sáng nhỏ xíu lập lòe. Đó là đèn của những chiếc ghe. Giờ này có rất nhiều ghe tuần tra của công an. Nếu thấy ánh đèn của mình trên này, tụi nó sẽ biết có người vượt biên, và phát hiện địa điểm của mình ngay.”

Không nghe tôi nói gì, anh ta nói thêm:

“Đến nước này em không muốn giấu thêm nữa: Chúng ta đang đi theo lòng sông khô để xuống biển. Cuối con đường này là nơi ghe đón mình.”

“Lòng sông khô?” Tôi kinh hãi kêu lên “ Trời đất ơi! Hèn chi ở đây toàn những đá và ghềnh.”

Cố căng mắt để nhìn khối đen thùi dưới sâu phía trước mặt, tôi lập bập thêm:

“Cứ nghe anh nói ‘con đường, con đường’ nên tôi không suy nghĩ gì khác ngoài lối đi. Chả trách sao khi tuột trên đá tôi cứ thắc mắc tại sao đường đi mà cứ xuôi xuống dưới và ở trong rừng sao chẳng có bụi cây cọng cỏ nào dưới chân.”

Quay ngược đầu về phía đỉnh núi, tôi nói to hơn, tưởng chừng như át cả tiếng mưa:

“Tại sao mà các anh nghĩ cái lối đi khủng khiếp như thế này vậy hả? Mưa cỡ này thì làm sao lòng sông còn khô được nữa chứ? Nước tràn xuống kiểu này mà mình xuống hạ lưu thì có mà chết chìm!”

Cúi xuống nhìn Tinô run rẩy trong tay, tôi giận dữ nói tiếp:

“Bây giờ ai muốn đi tiếp tục thì đi, tôi không muốn con tôi chết, để mẹ con tôi về!”

Mọi người lắng nghe cuộc đối thoại của chúng tôi từ đầu cho đến lúc tôi la lớn mà không chen lấy một lời. Trong khi người dẫn đường không thể đáp lại lời tôi như thế nào thì họ cũng im lìm như bị điểm huyết. Sự tiết lộ của người dẫn đường đã là một tin kinh khủng vậy mà lời khẳng định cho việc tiến tới hay thoái lui của tôi càng dữ

dội hơn. Nếu phải đi theo dòng sông khô xa hơn nữa, bị ướt thêm nữa và tuột đá sâu hơn nữa thì mọi người vẫn còn hy vọng là sẽ được ghe đón, chứ không ai có thể bàn cãi hay khuyên nhủ cho chuyện tôi đòi đem con trở về. Không ai có thể phủ nhận rằng sức khỏe của đứa bé nhỏ nhoi như Tinô không hề thích hợp cho cuộc hành trình nguy hiểm chết người, nhưng không một ai có thể góp ý nên hay đừng khi chúng tôi đã ở ngay giữa con đường đến bãi.

Trong lúc mọi người im thin thít trước tình trạng tiến thoái lưỡng nan của tôi, người dẫn đường đi cuối đến gần tôi giải bày: “Em thường đi lại trong vùng này nên biết rõ lắm. Con sông này dù bị mưa nhiều đến đâu cũng không hoạt động lại được. Với dốc cao như thế này bao nhiêu nước cũng đổ tràn ra biển thôi. Ở cửa sông nước sâu, ghe lớn tấp vào được, mình không cần phải bơi ra. Nếu đi tiếp tục, đến đúng giờ, ghe bốc mình sớm. Được lên ghe thì mình chăm sóc cháu chu tất hơn.”

Không được trả lời, anh nói tiếp:

“Bây giờ đã mười giờ, chỉ cần bốn tiếng đồng hồ nữa là đến bãi. Chúng ta đi được nửa chặng đường rồi, chị cố gắng thêm chút đi!”

Mưa vẫn rơi như xối và tôi vẫn ôm Tinô đứng yên giữa hai người thanh niên. Suy nghĩ về thời gian mà người dẫn đường đi cuối cho biết, tôi nhận thấy thời gian trở lại hay tiếp tục chẳng khác gì trong lúc Tinô vẫn phải dầm mưa. Trong khi phân vân với sự lùi hay tiến, đầu tôi ngổn ngang không biết bao nhiêu câu hỏi với chữ nếu. Tôi đã tự hỏi là: Nếu đi trở về liệu Tinô có bớt lạnh không hay vẫn phải chịu lạnh dưới mưa? Nếu đi trở về, ai sẽ là người chịu hy sinh bỏ chuyến vượt biển để dẫn đường cho chúng tôi? Nếu chỉ có vợ chồng tôi trở về thì liệu chúng tôi có thể tìm lối về giữa núi rừng trùng điệp không? Và nếu đến được đỉnh đèo Rù Rì, liệu chúng tôi có thể đón xe trong lúc trời đêm khuya khoắt như vậy không?

Chồng tôi phá tan im lặng bằng câu hỏi đột ngột:

“Nếu tôi dùng đèn soi đường cho vợ con tôi theo cách anh nói là không để ánh sáng tỏa xuống dưới có được không?”

Hai người thanh niên vừa gật đầu ưng thuận, anh bảo tôi trao cho anh chiếc đèn. Rồi anh lục trong giỏ đưa cho tôi chiếc áo len của Tinô bảo thay cho nó và khuyên tôi tiếp tục lên đường.

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Năm

Trong khi chúng tôi âm thầm tiếp tục nửa chặng đường còn lại, mưa vẫn không dứt hạt. Chiếc áo len mà Tinô đang mặc thấm nước mau chẳng khác gì những bộ đồ và khăn lông trước đó, ướt sũng như đang ngâm trong chậu nước giặt. Nhìn nó run rẩy trong tay, tôi cuống cuống lột chiếc áo len ra đưa cho chồng tôi rồi bật hết hàng nút của áo mình và áp nó vào trước ngực. Vài người theo sau ánh đèn của chúng tôi đang ngạc nhiên nhìn Tinô trần truồng như nhộng, càng ngạc nhiên hơn khi thấy tôi bạch ngực ra. Giả tảng như không thấy sự phơi bày này, họ lơ ngơ nhìn quanh quất rồi hay giả lơ tìm chỗ khác để leo xuống. Dù mọi người tề nhị thể nào, tôi không hề quan tâm vì tôi chẳng còn biết giữ kẻ hay e thẹn gì nữa. Đầu tôi lúc đó chỉ có một ý nghĩ là truyền hết mọi nhiệt độ trong cơ thể mình cho Tinô được ấm hơn. Hơn thế nữa, tôi còn muốn dùng cả tính mạng mình đền bù lại tình cảnh không như ý muốn mà đưa con non nớt của tôi đang phải gánh chịu. Trong khi tôi chỉ nghĩ đến sức khỏe của con tôi, thì vùng da thịt trước ngực tôi dần dần ấm lên bởi thân nhiệt của Tinô. Biết nó cũng được ấm như mình, tôi cảm thấy yên tâm nên di chuyển mau hơn theo ánh đèn soi của chồng tôi.

Theo lệ, chồng tôi thường tìm chỗ nào tốt nhất để leo xuống, rồi chuyển hai chiếc giỏ xuống và rọi đèn cho tôi. Tuy nhiên, đến một tầng đá quá cao so với bên dưới, anh đã quăng hai chiếc giỏ xuống xem độ sâu nó là bao, rồi bám vào đường hờ giữa hai tầng đá để leo xuống dưới. Lúc này Tinô đã say trong giấc ngủ, nên tôi không thể xách nách nó đưa xuống như lúc ban đầu, cũng như không thể ẵm nó bên hông bò theo chồng tôi như lúc được sử dụng đèn pin. Đặt Tinô ngang bụng, cuộn tròn đầu và mình nó trong vòng tay, tôi lết đến nơi mà chồng tôi vừa leo xuống, rồi kê lưng sát vào đường kẻ và buông mình tuột xuống. Việc làm không báo trước của tôi khiến chồng tôi kinh hoàng, la lên:

“Em làm gì vậy? Sao không nói không rằng mà tuột xuống như vậy?”

“Em phải làm như thế thôi! Chứ vách đá cao như thế chuyền con xuống, lỡ tuột tay, đầu nó va vào đá thì khổ.” Tôi trả lời với giọng hài lòng mặc dù toàn thân rất ê ẩm không thể đứng lên được. Đỡ tôi dậy, chồng tôi lo lắng hỏi:

“Xem người có sao không? Kiểm lại chân coi có bị trặc sơ mi không!”

Cử động cả hai chân để khám xét, tôi lắc đầu:

“Em không bị trặc chân nhưng em rút dép hết rồi!”

Nghe lời này, chồng tôi quay quắt mò mẫm xung quanh tìm kiếm khiến tôi phải gằn ra ngay:

“Nhưng em nghĩ là không cần dép nữa đâu. Đi chân không thấy vậy mà không bị trượt.”

Dứt lời, tôi lom khom tìm đường đi xuống. Tôi biết là nếu không có đôi dép, chân tôi sẽ bị cứa cắt nhiều hơn nhưng tôi không muốn làm trì trệ lộ trình mà nhóm chúng tôi đang gần đến đích. “Sá gì chuyện chân bị cắt hay chảy máu nếu được đến điểm hẹn đúng giờ, và được lên ghe an toàn. Nếu không phải quay trở về thì cũng không cần dép làm gì.” Nghĩ thế, tôi cố gắng di chuyển nhanh hơn và không nghĩ đến đôi dép hay độ chênh lệch cao sâu của những tảng đá nữa.

Chẳng hiểu vì tâm lý được an ổn hay vì đã gần đến hạ lưu của lòng sông khô mà càng xuống dưới tôi càng thấy mình đi nhanh hơn và thuận tiện hơn. Đoạn đường không còn sự chênh lệch của những ghềnh đá cao sâu nên chúng tôi không còn phải bò trườn. Bước lên vài mô đá thấp hay len qua những khóm cây mọc mát rượi giữa đường, chúng tôi có thể đi thẳng người như đi trên đường bằng. Thêm một quãng chúng tôi phải bước trên đoạn đường nhiều sỏi đá rồi đi lên những mô đá nổi lồi chồm nơi đoạn đường có nhiều bụi cây mọc trong những vũng nước để bước qua. Tràn trề hy vọng với ý nghĩ sắp được ghe vớt, chúng tôi đồng bước thật nhanh. Lúc này

bầu trời quang đãng hơn vì mưa đã hoàn toàn dứt hạt. Nhìn về trước chúng tôi thấy rất nhiều lùm cây thâm thấp xen lẫn những bụi cỏ cao. Chỉ chít như đám rừng thấp, chúng kéo dài tận về phía trước nơi thấp thoáng màu xanh của biển. Tiếng sóng nước hòa lẫn tiếng gió vọng từ xa đến. Giọng nói hân hoan của một người đàn ông nào đó chợt vang lên. Anh ta báo cho mọi người biết chỉ còn mười lăm phút nữa sẽ đến một giờ. Chúng tôi đang vui mừng với ý nghĩ sẽ được ghe đón, bỗng thấy hồi hộp khi nhìn thái độ kỳ quặc của hai người thanh niên dẫn đường. Sau khi căn dặn chúng tôi đứng yên một chỗ hai người đi thẳng về phía trước ngó quanh quất khắp nơi như đang kiếm tìm vật gì. Một hồi sau, hai người trở lại và người thanh niên dẫn đầu nói với giọng áo não:

“Bãi bị bể rồi!”

“Gì mà mới đến đã nói là bãi bể?”, “Tổ chức làm ăn cái kiểu gì kỳ vậy?”, “Bắt người ta lội núi non hiểm trở mấy tiếng đồng hồ rồi nói khơi khơi là bãi bể, ai mà tin được chứ!” Nhón nháo trong bất bình, chúng tôi không hề nhích bước. Cảm giác vui mừng vì đã đến đích vẫn còn lan tỏa trong thân thể chúng tôi khiến cho ai nấy không tin lời thông báo khá tàn nhẫn của người dẫn đường.

“Tôi nói thật là bãi mình bị bể rồi. Mình phải đi trở lại ngay!”

Người thanh niên lập lại lời cảnh báo của mình với giọng đầy thuyết phục. Rồi bất kể chúng tôi cần nhản thể nào, anh ta chen ngang giữa nhóm người, vừa bước vừa nói với giọng thiếu bình tĩnh:

“Tụi mình phải đi ngược trở lại ngay! Đi càng xa nơi đây càng tốt. Nếu không, sẽ bị bắt hết cả lũ.”

Vẫn không nhúc nhích, mọi người nhìn anh ta chằm chằm. Chồng tôi hỏi với giọng bực bội:

“Mấy anh chơi cái trò gì đây? Mới vừa đưa xuống đã nói đi về. Lấy lý do gì anh nói bãi bị bể?”

Người dẫn đầu khựng lại, nói một cách hấp tấp:

“Chúng tôi có tín hiệu riêng nên biết ghe bị động. Nếu mình còn

ở đây trước sau gì cũng bị bắt.”

Người đàn ông, thường kè kè bên mình một chiếc giỏ to gấp đôi chiếc giỏ lớn bình thường, dàn hòa:

“Nếu ghe bị nghi ngờ không đón mình lúc một giờ được thì nó sẽ tìm cách đón vào giờ khác trong khoảng từ một đến ba giờ. Mình cố gắng chờ thêm chút nữa xem sao.”

Người thanh niên đi cuối nói:

“Thời gian từ một đến ba chỉ là giờ trừ hao thôi, thực sự nếu chúng ta không bị lộ thì ghe đã có mặt ở đây từ lúc mười hai giờ khuya rồi. Tưởng đâu ông chủ ghe bốc vợ con ông ở chỗ nào khác rồi nên họ không đến điểm hẹn. Thì ra, họ đã biết động nên không đi.

Bí mật được tiết lộ nhưng không một ai chịu tin. Chúng tôi vẫn khẳng khái với sự trừ hao và gắn chặt với giờ dây thun cổ hữu của người Việt.

Không thấy ai phản ứng trước điều tiết lộ, người dẫn đầu nói:

“Nếu mấy anh chị muốn ở lại chờ thì ở, còn chúng tôi phải đi về. Tội công an mà tóm, các anh chị chỉ bị tù vài tháng chứ tội tôi một gông vì tội tổ chức.”

Vẫn không một ai nhúc nhích nên hai người dẫn đường đành quay lưng bước đi. Họ bước thêm độ dăm bước, tôi vội lên tiếng:

“Các anh làm ơn đưa vợ chồng tôi đi với!”

Hai người dẫn đường khựng lại, đưa mắt nhìn nhau. Một hồi, người dẫn đường đi đầu bước xuống chỗ tôi, nói:

“Nếu chị muốn đưa cháu về chúng tôi có thể hướng dẫn đường cho chị nhưng chúng tôi không thể đưa cả chồng chị đi. Lên trên Quốc Lộ, người ta thấy anh là nghi ngay.”

Vừa liếc ngang khuôn mặt căng thẳng của chồng tôi, tôi vừa hỏi vặn:

“Nói vậy sao anh bảo chúng tôi đi về? Đi về cả đoàn hay ba người cũng vậy thôi. Không lẽ để cả đoàn giải tán kiểu mạnh ai nấy đi?”

“Tôi nói về cả đoàn có nghĩa mình phải rời xa cái chỗ này kiếm chỗ nấp đâu đó rồi dò la động tĩnh trước khi tìm xe về thành phố. Còn chị muốn cháu nhỏ sớm về nhà lại muốn về cả gia đình thì chúng tôi không thể tìm phương tiện chuyên chở cho cả ba cùng một lúc được. Nếu chỉ mỗi mình chị với cháu thì may ra.”

Trong khi tôi và hai người dẫn đường đôi co thì người đàn ông có chiếc giỏ kền càng nài nỉ:

“Chị ở lại đi chị! Bãi này phải có ít nhất mười hai người thì tụi ghe mới bốc. Nếu chị về, không đủ trả chi phí, họ không chịu bốc chúng tôi và chồng chị đâu. Đâu dễ gì đến được chỗ này. Để hai anh này về coi tình hình và báo cho chủ ghe biết mình đã đến nơi. Biết đâu vì bị điều gì đó, ghe không thể vào đón mình đúng như qui định nhưng sẽ đón sau đó một vài ngày.”

Lời nói của người đàn ông này đúng một phần nào vì tôi biết có nhiều chuyến đi có những trục trặc gì đó mà người phải nằm bãi một vài ngày ghe mới đến đón đi được, nhưng tôi không biết trả lời ra sao trước cảnh tình của con tôi. Chắc chắn là tôi sẽ không bao giờ bỏ chồng tôi ở lại và cũng không đi với hai thanh niên lạ trong rừng với hàng nút áo bật mở, nhưng tôi phải làm sao nếu Tinô có mệnh hệ nào. Bối rối trước ánh nhìn chờ đợi của mọi người, tôi cúi đầu nhìn xuống. Tinô im lìm trong vòng tay ôm của tôi, ngủ một cách ngon lành và an ổn. Hơi thở của nó bình thường và đều đặn. Sờ đầu và lưng để kiểm tra nhiệt độ nó kỹ hơn, tôi vẫn không thấy một dấu hiệu nào của cảm lạnh hay nóng sốt. Khép hai vạt áo của mình để che kín

thêm cho nó, tôi nói:

“Thôi các anh đi đi. Tôi ở lại.”

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Sáu

Chúng tôi đều bất động nhìn theo hai người dẫn đường khi họ quay gót bước đi. Có lẽ mọi người, cũng như tôi, đang chịu cảm giác bị bỏ rơi lan tràn trong cơ thể nên đều hy vọng họ quay trở lại. Bởi vì dù được ghe đón đi hay phải trở về, chúng tôi vẫn cần có người hướng dẫn như rắn cần đầu. Niềm hy vọng mong manh của chúng tôi tan biến trong phút chốc khi hai cái bóng ần ần hiện hiện một lúc rồi biến mất. Con đường họ đi qua chỉ còn lại một luồng đá lam xám giữa hai rừng cây đen thẫm, kéo dài từ đỉnh núi xuống tận chỗ chúng tôi đang đứng và tôi đã rung mình khi tưởng tượng khoảng không của con đường lam xám ấy được lấp đầy bởi nước. Nếu thế, nó thực sự là một dòng sông lớn với hàm lượng nước kinh hồn đổ xuống biển mà trung lưu của nó sẽ có những con thác cao ghê với sức nước vô kể. Tôi không biết vì sao hai người dẫn đường phát hiện được lòng sông khô này cũng như không hiểu vì sao họ chắc chắn là nó không còn hoạt động được. Tôi không biết tên của họ là gì và cũng không biết họ phải đích thực là người tổ chức chuyến đi không; nhưng họ đã để lại cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc về chuyện dùng lòng sông khô để định hướng ra đến bãi. Nếu không phải đi cùng trẻ con, cách đi này thực sự tuyệt diệu cho việc thoát khỏi sự phát hiện của công an.

Nghĩ đến công an, tôi vội hỏi chồng tôi đi lên cao thêm chút nữa để tìm chỗ an toàn hơn. Mọi người đã họp thành nhóm riêng nhưng vẫn vây quần gần kề nhau. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đã vắt khô áo quần và phơi chúng trên những cành cây. Chúng tôi không ở xa bờ

lắm vì hình như ai cũng tin rằng vùng đất lầy đầy cây thấp trước mặt là khoảng cách đủ để chạy thoát khi thấy công an cập bờ. Thực sự là tôi không nghĩ nhiều đến điều tệ hại ấy. Mong tưởng trong tâm trí tôi vẫn là một chiếc ghe nào đó cập bờ rồi vài người bì bõm chạy vào với những cánh tay vẫy và những tiếng gọi í ới rộn ràng. Đã quá ba giờ mà không gian vẫn yên tĩnh. Không một tiếng người kêu gọi cũng không có chiếc ghe nào xuất hiện từ vùng biển xa xa ở trước mặt. Thình thoảng chúng tôi mới nghe được những tiếng sóng rì rào và tiếng gió vi vu đâu đó. Bầu trời càng lúc càng sáng trưng và mặt trời đã xóa hết niềm hy vọng của chúng tôi. Từ xa, màu xanh của mặt biển hiện rõ ràng và rất nhiều chiếc ghe qua lại ngoài khơi xa. Lúc ấy, mọi người đều hiểu chẳng có ghe nào dám rước người vượt biển trong thời điểm như thế nên tất cả đều đồng lòng cuộn xếp rồi lặng lẽ đi thành đoàn trở lên con đường cũ.

Cũng trong lòng sông khô này, nếu tối hôm trước, chúng tôi vất vả vì bóng tối và nước mưa khi đi xuống biển thì sáng hôm ấy chúng tôi chạt vật khá nhiều với độ cao và sức nóng của không khí khi leo lên núi. Những khối đá cao ngều là những bức vách chắn tàn nhẫn đối với những đứa thiếu niên và người đàn bà mang theo con nhỏ như tôi. Lúc này hàng nút áo của tôi đã được cài kín và Tinô cũng có bộ đồ khô ráo nhờ gió biển và không khí ẩm áp. Những tia nắng của mặt trời càng lúc càng nóng dần lau sạch các mặt ướt của đá tảng và làm ráo hoảnh cả lòng sông. Mọi người chuyện trò thân mật hơn vì nhìn thấy mặt nhau rõ ràng khi kề cận. Tôi có thể đếm được những người còn lại trong nhóm như người đàn ông với chiếc giỏ khổng lồ, người đàn bà và đứa cháu gái mười sáu, người đàn bà với hai đứa con trai tuổi thiếu niên, người đàn ông với đứa con trai nhỏ, một thanh niên trạc hai mươi lăm tuổi và ba người trong gia đình chúng tôi. Những người đàn ông thay nhau cõng những đứa nhỏ và cùng giúp chúng chèo thuyền lên phía trên trong khi người thanh niên đi một mình thường xuyên giúp tôi cõng Tinô leo lên những khối đá. Trên đường đi tôi đã may mắn tìm được đôi dép rớt của mình. Vì đã quen đi chân không, tôi giữ nó trong giỏ như báu vật phòng khi phải quay trở về. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn hy vọng là ghe sẽ ra đón chúng tôi vào khuya ngày hôm sau như người đàn ông có chiếc giỏ khổng lồ nói. Càng leo lên cao, mồ hôi của chúng tôi đổ ra như tắm. Khi biết mình đã xa bờ biển khoảng sáu tiếng đồng hồ và đồng thuận là công an không

thể nào đuổi bắt được nữa, chúng tôi bảo nhau tìm chỗ thuận tiện để nghỉ chân và ăn uống. Vợ chồng tôi đã chia thức ăn cho vài người trong nhóm và người thanh niên giúp tôi vận chuyển Tinô nhưng không hề cho ai một giọt nước nào. Vì vận động nhiều, hơn nữa trời khá nóng nên chúng tôi đều khát khô cổ họng nhưng vợ chồng tôi nhất định dành hai chiếc bình nước cho Tinô. Để chống khát, chúng tôi chỉ bỏ vài miếng chanh tẩm đường vào miệng. Tinô thì vẫn được ăn uống như yêu cầu.

Ăn uống xong, mọi người trong nhóm quyết định đi lên cao hơn. Khi tôi ẵm Tinô đứng dậy định theo mọi người, nó đã ré lên kinh hãi và dầm thình thịch vào ngực tôi. Lo lắng, tôi vội ngồi xuống khám toàn thân nó xem có bị hề hấn gì không. Mặc dù đã mười tám tháng tuổi, Tinô không phải là đứa nói thạo nên mỗi lần nó khóc tôi đều phải làm như thế. Tôi chưa kịp mở áo Tinô ra để kiểm tra, nó đã im phăng phắc nên tôi yên tâm ẵm nó đứng lên định bước đi tiếp. Tuy nhiên, chưa kịp bước được bước nào, tôi lại bị nó đánh thùm thụp vào ngực trong khi la hét kịch liệt. Chưa bao giờ Tinô có lối khóc và hành động kỳ lạ như vậy cho nên chồng tôi ngạc nhiên lắm. Anh cố gắng tìm hỏi nguyên nhân mà không thể tìm ra giải đáp, nên đành vò đầu bứt tai nhìn mọi người leo xa. Dù là thế, anh đã kiên nhẫn bảo tôi ngồi xuống an ủi, vỗ về xem Tinô muốn gì. Lạ lùng thay, giống như lần trước, hễ chúng tôi ngồi xuống là nó im như người đá. Đoán được là Tinô quá sợ hãi khi cảm nhận sự nguy hiểm của đường đi, nhưng tôi nhất định ẵm nó đi theo mọi người vì sợ lạc. Và như thế, đoàn người chúng tôi phải mang theo tiếng la khóc của nó trong lúc lần lượt theo nhau leo lên cao. Khi chúng tôi lên chóp núi, mặt trời vừa ngay trên đỉnh đầu. Trong lúc vừa lau mồ hôi vừa tìm bóng mát, chúng tôi phát hiện là người đàn ông có đứa con trai và người thanh niên không còn ở trong nhóm. Biết mình lạc tận trên cao trong khi ba người kia đã tẽ vào con đường nào đó bên dưới, chúng tôi rất hoang mang nhưng chẳng ai nghĩ đến chuyện đi xuống lại để tìm đường về. Trên đỉnh cao chót vót của núi, chúng tôi thấy rõ ràng những chiếc ghe có cờ đỏ đang luẩn quẩn qua lại quanh cửa biển của con sông khô. Thì ra bãi của chúng tôi đã bị động như sự loan báo của hai người dẫn đường. Sợ hãi, mọi người quyết định tìm chỗ núp trên cao chờ đến chiều tối mới tìm đường về.

Quá trưa, trời càng lúc càng nắng chang chang. Sức nóng của không khí làm ai cũng rất khô cổ họng. Vợ chồng tôi, vẫn như lần trước, chỉ dùng chanh tắm đường để cầm khát chứ nhất định không dám uống một giọt nước nào. Những trái chùm ruột mà tôi để dành trong túi không còn nữa. Có lẽ do tôi bị té nhiều lần mà chúng đã rơi rớt lúc nào từ đêm hôm qua. Tinô đòi uống nước nhiều hơn thường ngày vì la hét quá nhiều và vì đầu trần ngoài nắng khá lâu. Sau khi nó uống xong bình nước nhỏ, chúng tôi đành phải lấy bình lớn ra cho nó uống luôn cho dù chúng tôi vẫn nghĩ đó là số nước dành dụm cho nó trên biển nếu còn được ghe bốc đi vào tối hôm ấy. Khi thấy Tinô tu nước, hai đứa con trai của người đàn bà kêu khóc đòi bà xin cho. Cầm lòng chẳng đành tôi đã chuyển chiếc bình sang chỗ bà ngồi và căn dặn chỉ cho hai đứa nhỏ uống mỗi đứa hai hớp thôi. Người đàn bà không hề giữ lời hứa; bà đã nốc ừng ực sau khi cho hai đứa con bà uống thoải thích. Nhìn bình nước chẳng còn được là bao, chồng tôi bắt bình ra mặt. Anh đã căn dặn là tôi không biết giữ của cho con. Tôi không phản ứng gì trước thái độ giận hờn của anh vì tôi hiểu sự lo lắng của anh là chính đáng; tuy nhiên, tôi cũng có lý do riêng của mình khi làm ngược lại điều lo toan của anh. Tôi biết là nhiều người lạc trong rừng đấu tranh với sự khát chẳng khác nào những người không có nước khi lênh đênh trên biển nhưng tôi không thể nào làm ngơ trước cảnh hai đứa nhỏ khóc la xin xỏ khi mình có bình nước trong tay. Càng nghĩ, tôi càng lo lắng chuyện không tìm được đường và tình trạng không còn bao nhiêu nước cho Tinô, rồi rửa thảm người đàn bà đoảng vị, có con nhỏ mà không chuẩn bị gì cho chuyến đi. Giận người thất hứa và giận mình quá tin người, tôi ngồi im, không hề đáp lại lời trách cứ nào của chồng tôi.

Người đàn ông có chiếc giỏ lớn, có lẽ đã quan sát mọi chuyện, lân la đến chỗ chúng tôi ngồi. Ông nói:

“Tôi thấy tham gia những cuộc mạo hiểm như vậy cần có tinh thần tương trợ và đoàn kết thì mới thành công được. Tối hôm qua thấy chị ẵm cháu lội mưa vượt núi tôi phục lắm. Thực tình là lúc đó tôi muốn giúp anh chị phần nào nhưng kẹt là tôi phải mang chiếc giỏ nặng quá.”

Đến ngồi gần chúng tôi hơn, ông rất nhỏ:

“Thú thực với anh là trong giỏ tôi chứa toàn hải sản và hải đồ. Nhờ biết sử dụng mấy thứ này mà nhiều người tổ chức vượt biển cần tôi lắm. Tôi đã hợp tác với một tổ chức vượt biển khác rồi nhưng vì chuyến đó tính đánh vào tuần tới lận nên tôi nhận lời chuyến này ai dè ra nông nổi như vậy. Chuyến này về, nếu anh chị muốn đi tiếp thì cho tôi địa chỉ liên lạc. Tôi nghĩ anh chị muốn đem theo thằng nhỏ của anh chị cũng không sao vì người tổ chức chuyến đó cũng lo mấy đứa con của họ đi.”

Chồng tôi nghe vậy thì mừng lắm. Sau khi nói chuyện với nhau một lúc, cả hai người kéo ra một chỗ riêng biệt để tâm tình thêm.

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Bảy

Chiều vừa nhạt nắng chúng tôi đã lục đục đi xuống tìm đường về. Lần này, không khác gì lúc đi lạc lên tận đỉnh, tôi phải chai lì chịu những cái đâm đá kịch liệt của Tinô cũng như phải chịu đựng những tiếng la khóc om sòm của nó. Đi khoảng ba mươi phút chúng tôi gặp một thằng bé độ mười bảy tuổi đi lên. Nó tự giới thiệu là người dẫn đường đưa chúng tôi về rồi nói là nhờ tiếng khóc của Tinô nên tìm ra chỗ của chúng tôi. Sau khi hỏi tên tôi, nó kể là C. Sợn hết lòng tìm người đưa mẹ con tôi về khi nàng nghe báo chúng tôi bị lạc trong rừng. Nó đã đưa nhóm chúng tôi vào một khu vườn có nhiều cây mít lớn rồi bảo chúng tôi giữ im lặng trong khi chờ người đến đưa về. Tại nơi đây, vợ chồng tôi đã chia hết thực phẩm trong hai chiếc giỏ để thủ tiêu những chứng vật của cuộc vượt biển.

Đêm xuống rất nhanh và cây cối trở thành những bóng đen thui nhưng Tinô nhất định không chịu ngủ. Có lẽ vì ám ảnh hành trình quá nguy hiểm, nó trở nên thận trọng với cảnh vật man dại và tò mò với sự im lặng khác thường của mọi người xung quanh. Hơn thế nữa, nó tỏ ra ương bướng và phản đối kịch liệt khi tôi ghì nó trong người để ru ngủ. Tôi càng dỗ dành chiều chuộng nó bao nhiêu, nó càng vùng vẫy, gượng đầu lên la khóc inh ỏi bấy nhiêu. Tiếng khóc vang lừng của nó trong vườn cây làm chồng tôi kinh đảm, hét to:

“Nín! Nín ngay! Có nín được không hả thằng kia? Cứ như vậy, mà giúp công an bắt bố mày rồi đó con ạ!”

Mọi người nghe Tinô khóc thì hoảng vì nghĩ rằng vườn cây chẳng xa đường Quốc Lộ là bao nhưng không ai lên tiếng than trách một lời nào vì nghe chồng tôi la nó. Tan nát tim gan, tôi ôm chặt nó mà nước mắt tuôn không ngừng. Đau khổ vì đã để cho con mình chịu hoàn cảnh nghiệt ngã, tôi không ngừng nói xin lỗi trong khi vuốt ve khuyên nhủ nó. Dường như vừa sợ bố vừa hiểu chút ít nỗi lòng của mẹ, Tinô tấc tức khóc một lúc rồi nằm yên ngủ. Lúc ấy, tôi hứa với lòng là khi về nhà tôi sẽ không bao giờ đem nó đi vượt biển nữa.

Khoảng mười hai giờ đêm, chúng tôi ra đường Quốc Lộ. Mọi người được chia thành từng nhóm nhỏ để chờ người chở xe máy về. Chồng tôi và người đàn ông có chiếc giở lớn được chở chung một xe đi trước trong khi đàn bà, con nít phải chờ đi những chuyến sau. Tôi và Tinô được người chở theo sau xe chồng tôi khoảng năm phút. Tưởng được chở thẳng về Nha Trang, chúng tôi được đưa vào khu Ba Làng. Đến chiếc cầu nhỏ không biết tên, người chở bảo tôi ôm Tinô xuống gầm cầu nơi mà người đàn ông có chiếc giở lớn và chồng tôi đang núp ở đó. Gầm của chiếc cầu nhỏ chẳng cho được bao nhiêu chỗ núp nên tôi đành nép tạm một bên chồng tôi. Cũng may là người đàn ông có chiếc giở lớn đã nhờ những người lái xe chuyển chiếc giở của ông giấu ở nơi nào và Tinô đã ngủ im lìm nên tôi cảm thấy an tâm phần nào trong khi chờ người đến đưa đi nơi khác.

Khi những người còn lại được đưa về cùng một điểm thì những người chuyên chở quyết định chuyển những đứa con nít và đàn bà vào các khu nhà dân ở. Sau khi phân công, một thanh niên bảo tôi ôm Tinô đi bộ theo anh vào làng. Giả như người trong xóm, vô tình đi chung đường, chúng tôi người đi trước, kẻ đi sau. Qua khỏi con đường đất giữa hai cánh đồng khô, chúng tôi dừng lại căn nhà ngay ngoài bìa làng. Gõ cửa và thăm thì với bà chủ nhà một lúc, người thanh niên bảo tôi vào ngủ tạm trong căn nhà ấy và căn dặn đúng năm giờ sáng hôm sau anh sẽ đến đưa tôi ra lộ để đón xe về. Bà chủ nhà rất tử tế với mẹ con tôi. Trao cho tôi tấm chiếu, bà nói tôi hãy yên tâm ngủ cạnh bồ lúa và hứa sẽ đánh thức tôi dậy khi người thanh niên trở lại. Sáng hôm sau, chưa đến năm giờ, người thanh niên đã trở lại. Anh ta dẫn tôi và Tinô ra đường Quốc Lộ và chờ đến khi chúng tôi đón được xe mới quay lưng đi. Người dẫn đi, người đón lại, người đưa về nói làm sao tôi theo y vậy chứ chẳng hề hỏi thăm họ là ai, quan hệ như thế nào với người tổ chức, tên gì hay đang làm gì. Họ, một chuỗi người bí mật, giúp chúng tôi, những kẻ đào thoát, một cách kín đáo và âm thầm mà không hề đòi hỏi một sự đền trả nào. Điều bí ẩn này đã khiến tôi vừa thắc mắc vừa cảm kích không nguôi trên đường về nhà. An lành trên chiếc xe xích lô, tôi thầm cảm ơn trời phật đã cho tôi gặp những người từ tâm nên đã thoát cảnh điều tra và bắt bớ.

Khi chiếc xích lô vào trung tâm thành phố thì tôi không còn lo sợ sự tra xét của công an nữa. Ngang qua Ngã Sáu, tôi thấy chồng tôi và người đàn ông có chiếc giở lớn trong lòng sông khô ở núi Rù Rì đang đi bộ trước nhà thờ núi. Lúc này người đàn ông có chiếc giở lớn không phải kẻ kè kè chiếc giở lớn của ông nữa nhưng tướng đi của ông khệnh khạng và chàng hăng như đang khiêng vật gì nặng ghê gớm lắm. Chồng tôi đi bên cạnh ông ta, tướng đi của anh chẳng khá gì hơn. Xe xích lô chở Tinô và tôi qua mặt họ rồi mà tôi còn ngoái đầu nhìn lại. Lòng thắc mắc không hiểu sao họ không chịu đón xe về tận nhà trong khi tướng đi dị kỳ của họ khó được bỏ qua bởi những cặp mắt tò mò của những người đi đường.

Tôi về nhà khoảng sáu giờ rưỡi sáng. Hôm ấy là ngày gia đình chồng tôi có giỗ nên tất cả các thành viên trong gia đình đã tụ tập trong nhà từ đường từ sớm để góp sức mình. Vừa trông thấy mẹ con tôi, mẹ chồng và các cô chồng tôi bỏ dở công việc đang làm, đến tùm quanh rồi ôm Tinô vào nhà chăm sóc. Mẹ chồng tôi đi ra đi vào, tíu tít căn dặn mấy đứa em họ:

“Tụi mày lo nấu nướng giúp chị mày nhá! Trông nó phờ phạc, xác xơ như thế thì còn làm được gì!”

Dù thế nào, tôi cũng phải đến trường để chứng tỏ mình không vắng mặt một ngày nào ở địa phương. Tắm rửa xong, tôi vội vã dắt xe đạp ra khỏi nhà ngay. Vừa thót lên xe tôi thấy chân mình như đang mang đá tảng. May là tôi chỉ phải đạp xe trong vòng năm phút vì trường tôi chỉ là một điểm phụ trong xóm ga xe lửa gần nhà. Giáo viên của trường cấp hai mà tôi dạy thường lên lớp theo tiết học nhưng nếu chúng tôi có tiết dạy sáng thứ hai thì tất cả đều phải dự lễ chào cờ. Thường thường sau lễ chào cờ, chúng tôi, học sinh và giáo viên đều phải ngồi nghe thầy phó hiệu trưởng nói chuyện. Dĩ nhiên, giáo viên được ngồi trên ghế băng dài trong khi học sinh ngồi dưới đất. Hôm đó chẳng hiểu vì lý do gì mà trong lúc ông hiệu phó phát biểu, một số học sinh nhạo ông với những lời nhại rất vô lễ. Bốc lửa đến quên bài dạy dưới cờ, và cả thông điệp hàng tuần của ông hiệu trưởng, ông hiệu phó nói một cách giận dữ:

“Tôi nói thật với các em là bao nhiêu năm tôi chưa từng ăn sáng. Tôi đã chiến đấu cực khổ đến ngày hôm nay để mong thấy thế hệ sau tiến bộ hơn mình thế mà các em lại hư đốn đến như thế.”

Đám giáo viên chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, phân vân không hiểu sao ông nhay cảm đến độ đem chuyện riêng tư nói trước học sinh. Tôi cảm thấy tội nghiệp khi nhìn cánh tay cụt của ông, nghe chuyện không ăn sáng của ông và chứng kiến sự thua cuộc của ông trước học sinh. Còn đang phân vân, tôi thấy ông cho học sinh giải tán. Nhìn các hàng học sinh lủi thủi bước về lớp lòng tôi chợt nhói lên khi tưởng tượng một ngày nào đó Tinô sẽ là một trong những đứa học trò như thế. Nó sẽ là những đứa cúi đầu tuân phục hay ương bướng

thì tôi chẳng thể nào đoán được nhưng với lý lịch của mình, nó sẽ không tránh khỏi tình trạng bị liệt hạng với cái nhãn hiệu “tư tưởng chính trị không tốt” như bố của nó. Dù sao tôi cũng hiểu dạy học vốn dĩ là nghề có nhiều thử thách. Đối đầu với học sinh cứng đầu cứng cổ ở tuổi vị thành niên quả là khó, đối đầu với những học sinh khá thông minh càng khó hơn. Tôi đã từng chứng kiến nhiều thái độ khinh thường của học sinh khá giỏi. Những thái độ khinh thường này không phải do ảnh hưởng bởi sự bất toàn của giáo dục gia đình mà bởi sự thông minh vượt bậc. Tôi chợt nhớ những câu hỏi móc méo của những đứa học trò lớp tám và lớp chín trong những giờ học lịch sử mà tôi thường nghe: “Cô nói mọi người sẽ được sung sướng khi đất nước tiến lên chủ nghĩa Cộng Sản mà sao em thấy dân mình không chịu ở lại để chờ sống sung sướng lại ùn ùn kéo nhau đi vượt biển vậy hả cô?”, “Sao tụi Đế Quốc Tư Bản bóc lột nhân công một cách dã man mà sao nhiều người liều mạng đến mấy nước Tư Bản chi vậy?” và “Chẳng lẽ những người vượt biển dùng sanh mạng để đánh bạc với tử thần chỉ vì vật chất thôi sao cô?” Thật đáng buồn là tôi đã phải chịu những câu hỏi châm chọc như thế. Thực tế thì chẳng oan ức gì! Cũng bởi tôi không dám giải thích hết tất cả các sự kiện lịch sử thế giới và các mặt ưu và khuyết của từng chủ thuyết xã hội với kiến thức đã có trong trường trung học của miền Nam trước 1975; mà phải dạy rập khuôn theo những điều trong sách giáo khoa. Chán chường với những ý nghĩ đang có, tôi chợt cảm tưởng mình và các giáo viên miền Nam trong trường chẳng khác gì hai người dẫn đường trong đêm tối trên đèo Rù Rì hôm trước: không thể bật đèn, bị phản đối mà vẫn phải dẫn người bước đi. Những ánh sáng nhập nhòa bất chợt giống như những kiến thức đã có nhưng phải quên đi khi chiếc nút đèn pin tắt sáng. Tôi không rõ vai trò của ông hiệu phó ở vị trí nào trong sự so sánh của mình, nhưng cảm thấy áy náy khi đặt mình vào cương vị của ông. Tôi nhớ những cái đánh đấm của Tinô khi đưa nó đi trên con đường đầy nguy hiểm. Một ngày nào đó khi Tinô lớn khôn, liệu những cái đấm đánh của nó sẽ là những phản kháng bất trị như những đứa học sinh kia không? Những ý nghĩ dằn vặt trong đầu khiến tôi cảm thấy mệt; cho nên, tôi đã đứng dậy một cách uể oải khi đi theo mọi người vào văn phòng.

Vừa thấy chúng tôi, ông hiệu phó than:

“Học sinh thời này như thế đấy!”

“Cũng tại lý thuyết trong sách vở không hề giống với thực tế ngoài cuộc sống mà ra!” Tôi định đáp lại như vậy nhưng nghĩ chẳng ích lợi gì nên thôi. Tướng mạo của tôi lúc này không được bình thường, tốt hơn hết là im lặng nếu không muốn ai để ý đến mình. Các giáo viên khác, toàn là giáo viên lưu dụng và sinh quán tại miền Nam, như thường lệ, chỉ cười chứ không hề trả lời tiếng nào. Chán nản sự tình, ông hiệu phó lấy xe đạp bỏ đi. Hôm đó, ông về điểm chính sớm hơn mọi hôm; còn chúng tôi nấn ná ở văn phòng nói chuyện trời đất nắng mưa một lúc mới bảo nhau đến lớp sớm để giữ trật tự. Vì không muốn bị chú ý từ phía sau lưng, tôi chờ mọi người rời văn phòng xong mới thủng thỉnh đứng lên. Trong phòng vẫn còn hai giáo viên nữ là chị T. Phương và chị T. Hồng đang tiếp tục câu chuyện dang dở cho nên tôi phải vừa nhìn mặt họ vừa trao đổi vài câu vớ vẩn với họ trong khi dịch từng bước nhỏ lui về phía sau. Lối đi giật lùi để tỏ ra lịch sự là không quay lưng khi còn đang đối thoại nhưng thực tế tôi không muốn họ phát hiện dáng đi không bình thường của tôi. Vừa nói, vừa đi lui dần về phía cửa ra vào, tôi nói chào cả hai rồi vội vã bước ra khỏi văn phòng. Tôi đã thở phào nhẹ nhõm vì không thấy một bóng người nào trong sân trường, nhưng vẫn cố gắng bước ngay ngắn khi dọc theo hành lang để tránh những đôi mắt ngờ vực từ trong các cửa sổ của lớp học và nhất là chuẩn bị qua cái ải quan sát của học sinh lớp mình sắp dạy. Quả như tôi đoán, khi đi ngang những đứa học sinh đứng chào mình, tôi bắt gặp vô số ánh nhìn kinh ngạc. Hiểu được nguyên do của sự kinh ngạc ấy, tôi cố gắng giữ dáng đi ngay thẳng hơn khi bước đến bàn giáo viên. Tôi đã giữ nụ cười trên môi để che giấu vẻ mệt mỏi trên khuôn mặt của mình khi tiến hành các bước điểm danh, kiểm tra bài và ôn bài cũ. Dù cố gắng thế nào, tôi cũng không qua những cặp mắt tinh tường của học sinh. Chúng chẳng ngừng trao nhau những ánh nhìn ngạc nhiên khi tôi ghi đề bài mới trên bảng. Lo sợ tướng đi đằng sau lưng của mình thất bại, tôi bảo đứa trưởng lớp chép phần mà tôi ghi trong giáo án lên bảng để cả lớp chép vào vở. Phớt lờ những ánh mắt ngạc nhiên, tôi giữ thế ngồi ngay ngắn trong khi môi vẫn giữ nụ cười thân ái và bình thản. Những đứa học sinh lớp bảy, vừa học môn Sử Địa do tôi phụ trách vừa được tôi chủ nhiệm, rất ngoan ngoãn. Tất cả cùng im lặng chép bài. Những lúc không thể nhìn rõ chữ trên bảng chúng khều lưng nhau chỉ trỏ với nhau hoặc khẽ khàng hỏi nhỏ đứa ngồi trước nhờ hỏi dùm đứa lớp trưởng.

...

Tôi đã gục xuống bàn sau khoảng thời gian đóng vai cô giáo ngồi nghiêm trang theo dõi học sinh chép bài. Đứa trưởng lớp hốt hoảng chạy đến văn phòng báo cáo tình trạng của tôi và cầu cứu hai cô giáo không có tiết dạy đến giúp cho tôi. Khi họ đến lớp là lúc tôi vừa tỉnh dậy. Tôi nói là tôi thức khuya lo cho Tinô nên đã ngủ gục trong lớp mà không hay. Hai cô giáo T. Hồng và T. Phương nhất định không tin lời tôi nói. Chị T. Hồng thì quả quyết là tôi chưa ăn sáng nên bị trúng gió, còn chị T. Phương một mực bảo tôi về văn phòng để chị cạo gió cho. Vì không muốn khuấy động thêm sự tò mò của học sinh, tôi nói với chúng là tôi lên văn phòng nghỉ một chút rồi về lớp ngay. Tôi đã cố gắng tạo ra vẻ bình thường khi bước ra khỏi ghế nhưng khi tôi vừa bước vài bước toàn thân của tôi loạng choạng như sắp ngã khiến chị T. Phương và T. Hồng phải chụp lấy tay tôi dìu đi. Nhìn tôi như thế, học sinh kinh ngạc lắm nhưng chúng không dám ồn ào vì vốn sợ cái oai của chị T. Phương, cô giáo dạy toán của chúng.

Vừa đến văn phòng, chị T. Phương bảo tôi vén áo đưa lưng để chị cạo gió cho. Tôi một mực từ chối với lý do ghét cách chữa trị này, rồi nói là chỉ cần nghỉ một chút là sẽ đỡ ngay thôi. Xui cho tôi, chị T. Phương là người tin chứng trúng gió có thể gây chết người nên luôn luôn chứa đồ nghề trị bệnh trong chiếc ví xách đi làm của chị. Lăm lăm đồng bạc cắc và chai dầu gió trên tay, chị bảo tôi phải để chị cạo vài đường nếu không tôi sẽ bị kiệt thêm. Lặng nhàng giải thích về tác dụng của những đường cạo gió, và sự luân chuyển điều hòa của máu huyết, chị nói là nhất định chữa cho đến khi nào tôi tỉnh táo và linh hoạt lại mới thôi. Trước sự tình nguyện làm thầy lang không công của chị, tôi đành vén lưng mình lên.

“Em làm gì mà lưng bị trầy trụa dữ vậy nè?”

Giọng nói thẳng thốt của chị T. Phương làm tôi giật mình. Thì ra cái lưng của tôi đã ghi lại dấu tích sau một ngày leo núi mà khi tắm gội tôi chẳng hề biết. Hồi hộp, tôi hỏi:

“Ừa? Lưng của em bị trầy dữ lắm hả chị?”

“Chứ còn gì nữa! Bị đến như vậy mà không biết sao?”

“Tại em mới bị té xe hôm qua thôi.”

Chị T. Hồng ghé mắt nhìn sau lưng tôi một lúc rồi nhìn thẳng vào mặt tôi, ôn tồn hỏi:

“Lan té xe ở đâu mà lưng nát bươm nát bét vậy hả?”

“A...à... ở dốc Hòn Chồng đó mà!” Tôi ngập ngừng trả lời khi lục trong trí lần bị té nặng nhất trong đời, rồi tả thêm những gì xảy ra trong lần ấy “Em bị lộn mấy lần khi té lăn xuống dốc vì xe đứt thắng hãm không được.”

“Vậy mà cũng ráng đi làm!”

Chị T. Hồng phàn nàn với tiếng thở hắt đầy nghi ngờ trong lúc chị T. Phương hỏi với giọng nghi ngại:

“Còn thằng bé thì sao?”

“Thằng bé nào? A...à...Tinô đó hả? May là nó ngồi trên xe với bố và chú nó ở một xe khác nên không bị gì cả.”

“Bận rộn vậy mà cũng ráng đi chơi tận Hòn Chồng lận ha!”

Lời ca cẩm đầy móc méo của chị T. Hồng khiến tôi chưa biết trả lời ra sao thì chị T. Phương kéo áo tôi xuống, bảo:

“Lưng như vậy chị muốn cạo gió cũng cạo không được. Thôi để chị nhờ đứa học trò nào ở xóm em chở em về dùm rồi chị coi lớp cho. Còn dạy lớp nào nữa thì để hết giáo án lại đây. Nếu lỡ ông hiệu phó trở lại thì chị nói em bị trúng gió cần về.”

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Tám

Những vết cào xước bất thường trên thân thể của tôi không thể nào qua những cặp mắt tinh tường của chị T. Phương và T. Hồng nhưng họ không phải là những người thích tố khổ chuyện người khác cho nên chẳng làm nguy hại gì đến vai trò giáo viên tiên tiến của tôi ở trường Phước Tân. Trong buổi họp hội đồng giáo viên chiều thứ năm hôm ấy, khi nghe ông hiệu trưởng ca ngợi tôi cả hai đều kín đáo trao cho tôi những ánh nhìn cảm lạnh chứ không hề chọc ghẹo “Siêng cho cố!” như những lần trước. Có lẽ sau khi phát hiện bí mật của tôi, họ đã đoán được phần nào sự khác biệt giữa đam mê công việc và lý tưởng của tôi. Mê hoặc với môn Địa Lý và những phương pháp đặc biệt giúp cho học sinh tiếp thu bài ngay trong tiết dạy, tôi đã ghi danh thi giáo viên dạy giỏi thành phố và đạt danh hiệu này trong ba năm liền. Vốn siêng năng, lại đạt danh hiệu giáo viên giỏi thành phố, tôi đã được bầu là giáo viên tiên tiến của trường và thường được ông hiệu trưởng coi là biểu tượng tốt.

Các giáo viên lưu dụng trong trường thì trái lại. Những câu nói xa gần của họ cho tôi biết những thành tích của tôi chỉ là vật tế cho thành quả của ông hiệu trưởng mà thôi. Tôi còn biết là chẳng ai ưa sự làm việc thái quá của tôi nhưng làm sao tôi có thể nói cho họ hiểu là những việc tôi làm chỉ do đam mê và phục vụ cho học sinh chứ không phải vì thành tích lập công với người lãnh đạo. Tôi nhớ rất rõ năm đầu tiên tôi thi giáo viên giỏi thành phố. Buổi sáng, sau khi dạy bài Biển và Đại Dương lớp sáu do ban giáo dục chỉ định, tôi xách hành trang đi vượt biển ngay chiều hôm ấy. Ra đến bãi, nhìn biển và sóng tôi ngậm ngùi nhớ đến học sinh, các giáo viên dự giờ và những lời khen ngợi về bài giảng của mình. Làm sao tôi có thể giải thích cho mọi người hiểu được việc làm đầy mâu thuẫn của tôi khi mà phục vụ, hay “bon chen” không thể thay đổi được hoàn cảnh sống của gia đình tôi. Hơn thế nữa, tôi chỉ có một ước vọng là khi có con, các con của tôi không bị phân biệt đối xử và quyền công dân của chúng được tôn trọng tuyệt đối như một thời tôi đã từng sống trong đời.

Trong buổi họp ngày hôm đó, có lẽ hai người duy nhất không còn nghĩ tới “bon chen” hay “lấy điểm cấp lãnh đạo” là chị T. Hồng và chị T. Phương. Chuyện “vạch áo cho người xem lưng” của tôi đã làm họ đoán được cái danh hiệu giáo viên tiên tiến mà tôi đạt được là kết quả của sự cần mẫn trong nghiệp vụ chứ không ngoài mục đích gì khác. Dù sao thì tôi cũng không lo lắng gì nhiều về thái độ giễu cợt hay khích bác của đồng nghiệp. Điểm tập trung của đôi mắt tôi lúc này là khuôn mặt hớn hờ của ông hiệu trưởng. Ông đang vui vẻ báo cho mọi người biết là tôi sẽ có sổ tiền thưởng khi đạt danh hiệu tiên tiến năm này. Nghe ông nói mà lòng tôi thất lại vì nghĩ đến chuyến vượt biển tại đèo Rù Rì. Nếu chuyến đi không bại lộ, và tôi đã ra khỏi nước, chắc chắn những lời tốt đẹp của ông sẽ trở thành những lời oán trách và nguyên rủa ghê gớm lắm. Nếu là thế tôi cũng chẳng oan uổng gì khi chính tôi là nhân tố làm ông bị kiểm điểm và khiển trách. Giờ đây, tôi vẫn còn được xưng tụng, và đón nhận những ánh nhìn thiếu thiện cảm vì danh hiệu giáo viên tiên tiến. Nếu số phận của tôi vẫn còn ở trong nước như hiện tại thì tôi phải đành là thế mà thôi. Suy nghĩ như vậy nhưng tôi không hề có một chút vui nào khi đạp xe trên đường về nhà. Nhớ đến lời hứa của mình với Tinô trên núi tôi bỗng thấy lòng bức rứt, không yên. Sau chuyến vượt biển trên đèo Rù Rì, vì nhận khá nhiều thông tin xoay quanh chuyện đi và ở, tâm trí của tôi không thể tập trung như trước đây. Càng nhớ lại những điều được nghe và nghe kể lại, tôi càng cảm thấy bồn thần hơn.

Trước đó ba hôm, vợ chồng C. Sơn đến nhà để thăm hỏi sức khỏe con trai tôi, đồng thời trả lại cho sổ vàng mà chồng tôi nhờ giao cho người tổ chức mua dầu trước khi lên đường. C. Sơn tỏ vẻ rất ân hận khi thấy những dấu cào xước trên đầu và cánh tay của Tinô. Vuốt ve nó, nàng phân bua là nàng chỉ nghe chuyện đi theo đường rừng chứ không hề biết đường đi ra sao và bãi ở chỗ nào. Nàng còn nói là nếu biết chuyến đi nguy hiểm như vợ chồng tôi kể lại thì nàng đã can không để tôi đem Tinô đi. Tôi nói là tôi hiểu sự bí mật của các chuyến đi như thế nào nên khuyên nàng đừng lo âu gì đến chuyện cũ. Tôi cũng đã bày tỏ lòng biết ơn về chuyện nàng chạy đôn chạy đáo tìm người dẫn đường đưa chúng tôi về khi nghe báo chúng tôi bị lạc.

Sau một hồi, tôi lắng sang đề tài về những chuyện xa xưa trong thời trung học. Càng tâm tình, tôi càng cảm thấy xót xa nhận ra rằng hơn mười ba năm C. Sơn và tôi đã không hề có thì giờ trò chuyện lâu như thế. Trước khi dạy trường Phước Tân, tôi đã từng dạy trường Vĩnh Thọ, nơi xóm Cù Lao mà C. Sơn cư ngụ. Tại đó, tôi đã gặp lại Trang, em út của C. Sơn và đã nghe rất nhiều về sự thay đổi trong đời sống của gia đình C. Sơn cũng như chuyện buôn bán hàng hải sản của nàng. Ngâm ngùi với những câu chuyện được nghe, tôi vừa thương thân phận của C. Sơn vừa thương thân mình nhưng chẳng bao giờ có thì giờ để nghĩ đến chuyện gặp nhau. Đilen cuồn mưu sinh kiếm sống, tôi không còn chút thời gian để nhớ đến bạn hay nghĩ đến thời hồn nhiên đã qua. Những tà áo trắng, những chiếc nón lá, những xe đạp mi ni và những khuôn mặt tươi vui trong khi cười nói vô tư tinh nghịch của những ngày thân ái xa xưa như là những huyền thoại mà giờ đây khi nhắc lại chuyện cũ, tôi tưởng như nói về một chuyện cổ tích nào đó. Làm sao tôi có thể tin được người đàn bà với biết bao đường nhăn trên trán và bộ đồ không ủi là cô bé nữ sinh C. Sơn ngày thơ trong áo dài tơ trắng năm nào. Còn trong ý nghĩ của C. Sơn, có lẽ tôi thảm hại chẳng khác gì hơn.

Chồng C. Sơn trông rất chán nản. Trầm ngâm một hồi, anh nói là vợ con ông chủ ghe quá bất cẩn nên bị công an bắt ngay trên đường đi lên đèo Rù Rì, và là cũng vì bà ta tiết lộ bí mật khi bị tra hỏi nên công an đã cho tàu lùng sục đúng ngay bãi bốc người. Nhỏ giọng hơn, anh kể là ông chủ ghe đã khá may mắn khi được người quen lái ghe ra tận khơi báo tin. Vì ông không đưa ghe vào bãi bốc người, và vì công an không bắt được đám người lạc trên núi Rù Rì để làm bằng chứng nên ông vẫn chưa bị bắt. Sau một hồi im lặng, anh nói thêm là cho dù ông chủ ghe có còn bị công an theo dõi hay xét hỏi không, ông ta cũng sẽ không bao giờ dám tổ chức vượt biển nữa. Để giải thích điều mình vừa nói, anh nói cho chúng tôi biết là chẳng còn ai ở xóm Cù Lao còn ý định tham gia vượt biên vì chỉ còn mười một ngày là các trại tị nạn đóng cửa. Sau khi hoàn tất cuộc độc thoại, chồng C. Sơn bắt động với khuôn mặt ửng đỏ như thể anh là người thất bại sau chuyến lạc trên núi về và đắng cay vì không đi được. Điều này khiến tôi nghĩ rằng những người tổ chức có mối quan hệ rất thân thuộc và gần gũi với anh hoặc là anh ta cũng định tham gia chung với chuyến vượt biển ấy mà không được. Chồng tôi im lìm và trầm mặc không

kém chồng C. Sơn. Suy nghĩ một hồi, anh đưa cho vợ chồng C. Sơn năm phân vàng để bù vào số thất thiệt của chuyến đi sau khi bị bại lộ. Nhìn C. Sơn cầm chiếc nhẫn với khuôn mặt xúc động mà tôi cảm thấy rưng rưng. Thời trung học, chủ nhật nào mấy đứa nữ sinh trong lớp học Pháp văn của chúng tôi cũng được ba mẹ C. Sơn mời đến nhà chơi. Trong những ngày chủ nhật ấy, chúng tôi thường hồn nhiên trên những chiếc xe đạp mi ni nối đuôi nhau qua cầu Xóm Bống, lên Tháp Bà, đến Hòn Chồng rồi vòng lại nhà C. Sơn ở xóm Cù Lao để ăn uống vui chơi từ trưa đến tận chiều tối mới về. Lúc ấy, tính tình phóng khoáng của ba mẹ C. Sơn và sự thết đãi bạn bè đầy thịnh tình của nàng có thiết tha gì với chiếc nhẫn vài phân vàng y như thế. Phải chăng sự cơ cực của hiện tại đã nâng quá cao giá trị của loại vật chất này?

Vợ chồng C. Sơn chào từ giã chúng tôi chỉ vài phút, anh Thảo, người đàn ông có chiếc giỏ lớn trên đèo Rù Rì, đến thăm chúng tôi. Giống như thông tin từ chồng C. Sơn, anh báo cho chúng tôi là ngày 1 tháng 4 năm 1989 sẽ là ngày đóng cửa của các trại tị nạn ở các đảo trong vùng Đông Nam châu Á. Ngoài ra, anh còn báo thêm là người chủ ghe của chuyến vượt biển mà anh tâm sự với chúng tôi trên đỉnh núi Rù Rì, sẽ khởi hành vào tuần sau. Sau buổi tối hôm ấy, anh thường tới nhà chúng tôi cập nhật những tin tức mới nhất với sự tin tưởng tuyệt đối. Thực ra, đối với chúng tôi, anh chính là người mà chúng tôi tin nhiệm nhất trong những người mà chúng tôi đã tham gia vượt biên chung trước đây. Ngoài khuôn mặt vuông vắn và cái mũi thẳng của người trung trực, những vật cần thiết cho hành trình vượt đại dương của anh khiến chúng tôi kỳ vọng anh sẽ là người hoa tiêu dũng cảm, vừa có tâm vừa có tài. Chúng tôi không hề hỏi quá khứ của anh, nhưng nghe anh nói về số tuổi và thời gian học tập cải tạo hơn mười năm của anh thì đoán là anh đã từng phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa như ba chồng của tôi.

Vài ngày sau, mỗi khi anh Thảo đến nhà là tôi phải đi dạy. Tuy nhiên, qua những lời kể lại của chồng tôi, tôi tưởng như mình thực sự nghe những lời thông báo của anh:

“Chị Hạnh bạn tôi đã bỏ tiền ra mua ghe và tổ chức mọi thứ cho chuyến đi này để cho ba đưa con chỉ sớm qua Mỹ gặp ba của tụi nó. Chỉ phải hy sinh ở lại để thanh toán chi phí cho chuyến đi, cho nên nếu anh muốn tham gia chuyến đi này thì không cần phải giao vàng trước.”

“Chị Hạnh nói là nếu gia đình anh muốn tham gia cả ba người, thì chỉ chi hai lượng rưỡi vàng. Anh chỉ phải giao năm chỉ còn hai lượng kia chỉ sẽ đến nhà anh nhận sau khi người nhà anh nhận điện tín của anh từ trại gửi về. Theo dự tính, chuyến đi của mình chỉ có chừng mười bốn người. Bên mình một nửa, bên ghe một nửa.”

“Bãi đánh sẽ ngay cầu Xóm Bóng chứ không leo rừng leo núi như lần trước đâu. Anh không phải lo lương thực, nước uống vì chị Hạnh đã tính toán kỹ lưỡng cả rồi. Nếu anh còn muốn mang theo vật dụng gì nữa thì bỏ vào giỏ xách đưa cho tôi nhờ chuyển xuống ghe trước. Khi đi mình không mang giỏ xách gì cả.”

“Anh em mình sẽ giả làm dân đánh cá ra ghe nằm từ chiều chờ đến khuya đón đàn bà và con nít rồi đi luôn.”

“Luật Quốc Tế như đinh đóng cột vậy anh à! Cao ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đã quyết định đóng cửa các trại thì chẳng bao giờ có chuyện du di đâu. Nếu mình không đi chuyến này thì không còn dịp nữa vì chỉ còn vài ngày nữa là đến tháng tư rồi. Tôi nghĩ chuyến đi lần này có thể là chuyến đi cuối cùng của những người vượt biển ở thành phố Nha Trang!”

“Đi hay ở?” Tôi đã câu hỏi này không biết bao nhiêu lần khi đạp những vòng xe. Nghĩ đến lời hứa của mình và tình trạng nguy hiểm và khổ sở của Tinô trên núi, tôi cảm thấy lòng mình bị dẫn dắt đến cực cùng. Thế nhưng vài phút sau, các vấn đề lý lịch, tình trạng cư trú, và việc làm bấp bênh của chồng tôi hiện rất rõ trong từng ý nghĩ của tôi. Chúng đã hoàn toàn chế ngự những điều bận tâm sâu xa trong ý tưởng của tôi trước đó và thôi thúc tôi nên chụp ngay cơ hội ngàn năm một thuở để đưa con tôi vượt khỏi cái hoàn cảnh cơ cực và bấp bênh mà cả gia đình chúng tôi đang phải chịu đựng. Hơn thế nữa, khi nghĩ đến những mâu thuẫn và bất công của một chủ thuyết chính trị và thực tế xã hội đang diễn ra trên đất nước mình, tôi cảm thấy ngao ngán và tuyệt vọng. Mười bốn năm trải nghiệm với cuộc

sống xã hội Cộng sản đủ để tôi quyết định đưa con mình ra khỏi nơi đây. Nhớ lại về mặt thông minh và thành thật của anh Thảo, tôi hoàn toàn tin tưởng anh ta sẽ là người hoa tiêu tài tình đưa cho con tôi đến một tương lai sáng lạng trong những ngày sắp đến. Tin vào chuyện ở hiền gặp lành, sự ban ơn của thượng đế, và số phận của con người trên thế gian đều được xếp đặt dưới bàn tay của Người, tôi quyết định ra đi. Dứt khoát với sự lựa chọn này, tôi đã đạp vòng xe lại, quay về phía nhà mẹ ruột của tôi thay vì về nhà chồng. Tôi muốn gặp mọi người trong gia đình mình để chào từ giã, đồng thời mượn chiếc áo khoác có hai cái túi thật lớn của em gái ruột tôi trước khi lên đường.

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Chính

Có lẽ chuyến vượt biển thất bại của chúng tôi trên đèo Rù Rì đã khiến cho ông nội chồng tôi không còn tin vào sự thành công của chuyến đi mới. Không nói một lời, ông chỉ thờ dài khi nghe tôi thưa là chồng tôi đã rời khỏi nhà và tôi sẽ đưa Tinô đi khi có người đến đón. Những cái lắc đầu nhẹ nhàng trong sự im lặng dài vô tận của ông như ngầm tỏ rằng việc làm của chúng tôi sẽ hoài công như lần trước và có nghĩa là chúng tôi sẽ trở về với người đầy thương tích nếu may mắn không bị bắt. Mẹ chồng tôi lằng xằng muốn tìm một việc gì làm để giúp dâu và cháu trước khi lên đường; nhưng hành trang của tôi chỉ có cái túi vải nhỏ xíu nên bà loay quaoanh một lúc rồi lặng lẽ vào phòng thờ thắp hương cầu nguyện. Tôi trở về phòng mình chứ không chào chia tay với những người bà con trong đại gia đình chồng. Cảnh bịn rịn chia tay rồi thất bại trở về của lần trước khiến tôi chán ngán sự tái diễn. Làm ra vẻ bình thản với sinh hoạt thường lệ, tôi bỏ mừng cho Tinô ngủ trưa. Tôi đã ngồi trong giường lâu hơn thường lệ khiến Tinô chăm chăm nhìn tôi với đôi mắt lạ lùng và nghi ngại khi nó nằm ôm con gấu vải. Thường thường, chẳng cần có tôi, con gấu vải do tôi chấp vải vụn may cho, cũng có thể đưa nó vào giấc ngủ dễ dàng. Tôi biết là tối nay khi không có mùi quen thuộc của con gấu và khung cảnh xa lạ ở nhà người lạ thể nào Tinô cũng sẽ

phản ứng kịch liệt như lần ở trên núi. Và như thế, tôi lại phải cho nó uống thuốc ngủ trước khi đi. Nghĩ đến chuyện thuốc ngủ ảnh hưởng đến thần kinh của con mình, tôi cảm thấy rất xốn xang nhưng chẳng nghĩ cách nào hơn.

“Tôi với anh giả làm ngư dân ra ghe nằm trước, chiều nay chị Hạnh sẽ đến đưa chị và cháu ra sau. Nhớ trang phục như dân biển để khi xuống bãi khỏi bị công an hay du kích để ý!”

Ôn lại lời dặn của anh Thảo, tôi hứa với lòng là dù sao cũng phải hết sức cẩn thận để không làm ảnh hưởng chuyến đi. Hôm qua, anh ta báo cho chúng tôi biết là chiếc xách tay lương thực và áo quần của Tinô đã được chuyển đến tay người chủ ghe và ông ta đã giấu dùm ở dưới ghe rồi. Theo ước đoán của anh, chỉ cần tám ngày là ghe có thể đến đảo Phi nhưng tôi chuẩn bị các gói lương khô, đường tẩm chanh, sâm, nước và áo quần cho Tinô khoảng hai tuần trong chiếc giỏ xách ấy. Nhìn Tinô ngon giấc, tôi ngồi cầu xin trời phật ban ơn hồng cho nó và nguyện sẽ ăn chay một tháng khi chúng tôi đến bờ bình an.

Khoảng năm giờ rưỡi chiều một người đàn bà đến trước cổng nhà tìm tôi. Chị có vóc người nhỏ nhắn và khuôn mặt hiền lành bình dân khiến tôi không thể nào tin đây là chị Hạnh, bạn anh Thảo và là người lo toan mọi chuyện cho chuyến vượt biển mà mình sắp tham gia. Khi chị giới thiệu là Hạnh, tên gọi theo tên đứa con đầu của chị, với giọng từ tốn như chẳng có chuyện gì quan trọng sắp xảy ra thì tôi khâm phục và tin tưởng lắm. Dặn chị đứng chờ xong, tôi lật đật chạy vào phòng ẩm Tinô, lấy xách tay, chào mẹ chồng, rồi trở ra cổng ngay. Vừa thấy tôi, chị vội đội nón lên đầu, xoay đầu xe ra phía đường rồi nhón người lên yên và bảo tôi mau ngồi lên yên sau. Khi chiếc xe lăn bánh, tôi có linh cảm vài cặp mắt của những người hàng xóm đang nhìn chúng tôi, hai người với hai sắc phục dị kỳ và thăm thương bởi cái nón lụp xụp và hai bộ đồ mặc không đúng lối. Chị Hạnh mặc bộ đồ bông xám và dùng vành nón che nửa khuôn mặt có lẽ để ngăn ngừa sự nhận diện của ai đó, còn tôi phải mặc cái quần vải thô và cái áo khoác có túi để có thể chứa thêm những thứ cần

thiết trong lúc không thể mang chiếc xách lớn; cho nên, trang phục quái lạ này không thể nào tránh khỏi sự chú ý của những người ở hai bên đường trong xóm. Ra đến đường Phước Hải, chị Hạnh vừa đạp xe vừa than là chị đã phải đạp xe đến rất nhiều nơi trong ngày hôm ấy. Ngồi sau, nghe lời than van hòa trong tiếng thở hổn hển trong lúc nhìn cái lưng cong đang cắm cúi lái xe của chị, tôi cảm thấy rất xót xang. Tôi không phải là người nặng cân nhưng cả tôi và Tinô với sức người nhỏ bé và ốm yếu của chị thì thật là quá đáng. Đến nhà thờ núi, chị Hạnh đạp nhanh hơn một chút và không còn thở ị ạch như trước. Để tỏ ra không quan tâm đến sức nặng của chiếc xe mà mình đang phải gồng chở, chị vừa đạp, vừa kể cho tôi nghe chuyện đã và sắp xảy ra. Chị kể tỉ mỉ là chị đã đưa ba đứa con của chị và người bạn gái của chị tên Phú đến chợ Cù Lao rồi và là khi gặp họ, tôi sẽ cùng đến tá túc tại nhà quen của ông chủ ghe để chờ người đưa ra bãi lúc nửa đêm.

Từ ngã ba Tháp Bà rẽ xuống dốc Cù Lao, chị Hạnh không nói gì nữa. Tôi cũng lặng yên rất lâu, sau đó gạt đầu khi nghe chị dặn đứng chờ ở một góc đông người. Sau khi dắt xe lên lối qua những người đang mua bán xôn xao trong chợ, chị Hạnh trở lại với một người đàn bà có thân hình tròn trịa và khuôn mặt phúc hậu. Khuôn mặt của người đàn bà này làm tôi nhớ mãi đến người đàn bà trên dốc đèo Rù Rì với đứa con gái độ mười sáu tuổi có tên Hạnh. Sau khi chị Hạnh giới thiệu chị tên

Phú và sẽ là người giúp đỡ ba đứa con chị trong chuyến đi lần này thì tôi nghĩ chị Phú đã từng đi cùng con chị Hạnh trong chuyến vượt biên trên đèo Rù Rì. Thì thầm xã giao với nhau một lúc, chị Phú dặn tôi đứng chờ chị ngay tại nơi tôi đang đứng và nhắc nhở nhiều lần là không đi bất cứ nơi nào trong chợ. Chị nói là chị phải tìm ba đứa nhỏ con chị Hạnh vì chúng đi ăn hàng mỗi đứa một nơi và nếu tôi còn đi nữa thì chẳng biết bao giờ chúng tôi mới họp nhau lại một lúc để đến cùng điểm hẹn. Sau khi chị Phú bỏ đi và chị Hạnh chào tử giả, tôi tuân theo lời dặn dò. Không dịch một bước ở cái góc đông người qua lại rất lâu để chờ mà không thấy chị Phú trở lại, lòng tôi rất hoang mang, lo lắng. Chiều tối, dân biển thích tụ họp ở các hàng quán để ăn hàng cho nên thật là bất tiện cho tôi khi phải đứng ở một nơi có quá nhiều người qua lại. Điều mà tôi sợ nhất là phải gặp lại những

đưa học trò cũ vì Cù Lao Vĩnh Thọ Xóm Bóng là nơi mà tôi đã từng dạy học vài năm. Nếu chúng thấy tôi ở nơi này với trang phục mùa đông trong lúc hè thì chắc chắn chúng sẽ nghi ngờ về chuyện vượt biển của tôi. Ngoại trừ hình ảnh Tinô, đứa bé mười tám tháng, có thể làm giảm đi phần nào hoặc phá tan hết những thắc mắc và nghi ngờ của chúng. Dù sao tôi đã ở thế chẳng động đùng, nên phải ghé vào một xe nước mía gần đó gọi cho Tinô một ly. Tinô uống hết sạch ly nước mía xong mà chị Phú vẫn chưa trở lại nên tôi đành phải gọi thêm một trái trứng vịt lộn của người ngồi bán gần đó cho nó. Tinô ăn trứng xong, tôi nấn ná ngồi ở quán thêm khá lâu mà vẫn không thấy bóng dáng của chị Phú đâu nên tôi đành ẵm Tinô đi lên dốc ngã ba Tháp Bà để đón xe về. Lên đến đầu dốc, tôi nghĩ sự trở về là việc sáng suốt cho tính mạng của Tinô và của chính mình. Nếu chồng tôi được đến bờ tự do thì sau này anh sẽ bảo lãnh mẹ con chúng tôi đi một cách an toàn hơn. Trời tối, không có xe lam nên tôi đành phải gọi xe xích lô. Khi người lái xe xích lô vừa dừng trước mặt thì hình ảnh của chồng tôi hiện ra rất rõ trong đầu tôi. *“Nếu như anh không đến được bờ bên kia thì mình sẽ ra sao?”* Câu hỏi này lóe lên trong ý nghĩ khiến tôi đã khựng lại. Đứng im một chỗ, tôi ngượng ngập xin lỗi người lái xe với có gọi nhầm. Rồi bắt kể đôi mắt bực tức và giận dữ của ông nhìn tôi như thế nào, tôi đã nhanh chóng quay lưng, đi trở lại con dốc. Càng bước đi tôi càng nhớ đến những lần chồng tôi từ chối tham gia vượt biển cùng bạn bè. Thấm thía với câu “Đồng vợ, đồng chồng sướng khổ có nhau” tôi nhất quyết là sẽ không dựa vào sự liều mạng của anh để chờ hưởng lộc. Ôm chặt Tinô thay cho lời xin lỗi, tôi bước xuống dốc thật nhanh. Vừa đến góc chợ, tôi gặp chị Phú đang đi hót ha hót hải từ hướng ngược lại. Chị hỏi với giọng đầy trách móc:

“Nãy giờ Lan đi đâu vậy? Làm mình tìm gần chết! Mình đã đưa mấy đứa nhỏ tới chỗ ở rồi. Đi theo mình mau lên!”

Theo chị, tôi đến căn nhà lợp tôn rộng rãi cách chợ bởi một con hẻm nhỏ. Căn nhà có nhiều người ra vào nhưng mọi người chỉ chào nhau lấy lệ chứ không ai hỏi han ai. Ngồi một hồi tôi mới biết đó là nhà buôn bán cá và mực cả sỉ lẫn lẻ. Bởi có nhiều người buôn bán ra vào nên chẳng ai buồn để ý đến ai. Một lúc sau, một cô gái nhỏ đến chào tôi:

“Em chào cô.”

“Chào em.”

Tôi lúng túng chào lại, vì ngượng nghịu với bộ y phục đang có của mình nhưng con bé dường như chẳng để tâm. Nó giới thiệu tôi với ba mẹ của nó rồi nhắc lại những kỷ niệm trong giờ dạy địa lý của tôi. Tôi chỉ cười khi nghe nó nói rồi giả tảng hỏi liên tục những người đang có mặt tại đó về chuyện mua bán những thứ hải sản với giá sỉ và lẻ. May mắn là tôi đổi được đề tài nên con bé chỉ huyền thiên thêm một tí nữa là xin ba mẹ cho đi xem phim. Chúng tôi ở lại đến khoảng hơn mười giờ đêm thì có một người đàn bà trẻ đến dẫn đi xuống xóm chài. Len qua con hẻm đầy cát biển giữa những căn nhà tôn ván lợp xập cện kề nhau khoảng mười phút, năm người chúng tôi được đưa vào ở một căn nhà rất nhỏ mà giường ngủ là ván cây. Tôi và Tinô được phân ngủ tại chiếc giường sát cạnh lối ra vào mà cánh cửa của nó là một liếp ván, đóng mở chỉ cần kê bên hoặc kéo ra một cách dễ dàng. Sau khi lo cho ba đứa con chị Hạnh chỗ ngủ xong, chị Phú căn dặn:

“Lan nhớ cho cháu uống thuốc ngủ!”

Tôi làm theo lời chị nhưng chỉ cho Tinô uống một muống cà phê. Thuốc này tôi bỏ vào chiếc xách tay rất nhỏ với đường tằm chanh, bánh đậu xanh, sâm, một bộ đồ của Tinô và vài cái bao ni lông. Tôi thường có chứng say xe và e rằng mình sẽ bị say sóng nên phải mang theo những chiếc bao ni lông này.

Sau khi cho Tinô uống thuốc xong, tôi đặt lưng nằm với nó chỉ vài phút thì chị Phú đến giường kê sát tại tôi căn dặn:

“Ráng thức nghe Lan! Đừng ngủ quên mà họ bỏ mình lại đó.”

Nói xong chị kê người nằm chung ván với chúng tôi, đầu ngược lại. Tôi thường ngủ say khi nghe những tiếng khò khò của Tinô bên tai nhưng lúc đó vì tôi quá lo cho chuyến đi, nằm ở chỗ lạ và bị bọ chét biển cắn liên hồi nên không thể nào chợp mắt. Liên tục gãi những chỗ bị cắn chích trong người, tôi lo lắng cho Tinô lắm nhưng không thể nào kiểm được xem nó có bị tình trạng như mình không.

Khoảng nửa đêm, khi người đàn bà trẻ trong căn nhà đáp lại tiếng gọi nho nhỏ ngoài tấm liếp, chị Phú vùng dậy gọi tôi ngay “Mau lên Lan! Đừng để bị mất dấu!” Nói xong chị kêu ba đứa con chị Hạnh đi theo. Những đứa con chị Hạnh có lẽ cũng bị bọ chét biển cắn không ngủ được nên vừa nghe kêu là dậy ngay trong tích tắc. Trong khi chúng tôi sẵn sàng, người đàn bà trẻ trong nhà lật đật chào mẹ rồi ôm theo đứa nhỏ khoảng hai tuổi chạy ra trước nhà. Người báo tin cũng là đàn bà trẻ và cũng kè theo bên nách một đứa nhỏ cỡ tuổi với đứa con người đàn bà trẻ trong nhà, thì thào bảo chúng tôi đi theo trong im lặng.

Chúng tôi bước nhanh theo họ xuyên qua những con hẻm lượn ngoằn và vắng tanh. Len lỏi giữa những căn nhà tôn chỉ chít một lúc chúng tôi đi đến những căn nhà sàn thưa thớt gần sát biển. Tại đây chúng tôi phải đứng im dưới những cây cột dưới nhà sàn để núp vì có tiếng chó sủa vang to gần đó. Nhìn hai người đàn bà xăn quần đến tận háng, chị Phú kêu mấy đứa nhỏ bắt chước làm theo. Tôi đã ngồi bệt xuống cát vừa đỡ Tinô đang nằm dài trên cánh tay vừa cố gắng xăn hai ống quần chặt trên bắp vế. Khi tiếng sủa dịu đi chút ít, hai người đàn bà trẻ ẵm hai đứa nhỏ chạy lom khom ra biển. Vội vã, chúng tôi cũng khom lưng chạy theo, bám sát, không rời. Không ai nói ai lời nào, cả nhóm chúng tôi âm thầm chạy xuyên qua các cọc phoi lưới và vài chiếc ghe đậu trên bãi cát rồi cùng hướng về phía hai chiếc ghe thúng đang bồng bênh đưa người ra ghe lớn. Hai người đàn bà hối hả réo tên hai người thanh niên đang chèo hai chiếc ghe thúng trong khi lợi rất nhanh ra biển. Là dân biển đích thực cho nên bất kể nước cao, sóng lớn thế nào, chân trần của họ đạp

nước như đi trên mặt đất. Bắt chước họ, chị Phú và tôi bỏ dép trên bờ cát ướt, lom bồm đạp nước bám theo ráo riết. Chúng tôi, dù đã cố gắng hết sức vẫn là những người đi sau vì chị Phú phải chăm Hoan, đưa con trai Út của chị Hạnh và tôi còn phải kè né tránh những đợt sóng lớn vì sợ Tinô bị ướt. Hai người đàn bà trẻ tiếp tục lội ra xa trong khi vẫy tay gọi hai người lái ghe rồi rít.

Trong lúc lái hai chiếc thúng tiến về phía của họ, hai người thanh niên nói vọng về phía chúng tôi:

“Các chị phải chờ đến phiên vì mấy chiếc ghe nhỏ này không thể chờ tất cả cùng một lúc.”

Tiếp tục dắt ba đứa nhỏ lội đến sát hai chiếc ghe, chị Phú cứng cỏi trả lời:

“Vậy thì mấy anh phải chờ mấy đứa nhỏ này trước. Tụi nó là con của chị Hạnh. Má nó đã trả tiền mua hẳn chiếc ghe và lo tất cả chi phí cho chuyến đi này, cho nên không thể bỏ chúng lại hay để chúng đi sau được.”

“Tụi em không bỏ ai lại hết cả. Nhưng ai cũng đòi đi trước thì làm sao chờ hết được?”

“Mấy anh phải chờ người có chi phần đi trước chứ đừng có dựa vào sự quen biết mà chờ những người đi hồi. Để chúng tôi ở lại chờ, lỡ bị công an phát hiện ghe các anh bỏ chúng tôi chạy luôn hả?”

Trong khi cuộc tranh cãi chưa được ngã ngũ ra sao, người đàn bà trẻ đến báo tin cho chúng tôi đã ôm con thót ngay lên một chiếc ghe và được đưa ngay ra khơi bởi sức đẩy của người thanh niên bơi đằng sau. Người thanh niên đang tranh cãi với chị Phú phải điều đình với người đàn bà trẻ cho chúng tôi tá túc chờ đến phiên rồi giúp ba đứa nhỏ con chị Hạnh leo lên ghe. Giống như chiếc ghe trước, người lái này chỉ dùng sức đẩy chiếc ghe thúng khi bơi sau chúng chứ không ngồi hay đứng chèo với cái dầm như khi họ lái vào bờ.

Từ xóm chài, tiếng chó sủa vẫn tiếp tục vang lên dữ dội khiến chúng tôi, những người còn ở lại, nôn nóng lội nước ra xa hơn. Chỉ được thêm một vài bước chúng tôi phải dừng lại một chỗ để nhón người cao lên vì nước biển đã chạm đến ngực và vì có quá nhiều cơn sóng lớn đang tấp vào bờ. Tường phải ngâm trong lòng nước đen lạnh và đối phó với những cơn sóng lâu lắm, chỉ phút chốc chúng tôi đều mừng rỡ khi thấy cả hai chiếc ghe thúng quay trở lại. Hai người thanh niên chia cho hai mẹ con người đàn bà trẻ cho chúng tôi tá túc lên một ghe còn tôi và chị Phú lên cùng một ghe. Người thanh niên được phân chở chị Phú và mẹ con tôi có dáng người cao gầy và cử chỉ rất nhanh nhẹn. Sau khi leo ra khỏi chiếc thúng và nắm bên vành nghiêng xuống một bên, anh hỏi chúng tôi leo vào. Dù cố gắng trèo lên ghe thật nhanh, chúng tôi khá vất vả với sự chập chênh của chiếc thúng trên những cơn sóng tấp ngược. Một hồi sau chị Phú trèo lên trước, giúp tôi ôm Tinô để tôi leo vào theo. Vào được trong lòng ghe, tôi đón Tinô lại, ôm nó vào lòng và xoay người ngồi đối diện với chị Phú, cốt để giữ chiếc thúng thăng bằng. Người thanh niên chờ chúng tôi vào cả trong ghe, đẩy nó thật mạnh về phía trước rồi bơi theo sau. Anh phải dùng sức rất nhiều trong lúc vừa bơi vừa đẩy chiếc ghe chúng tôi vượt qua những ngọn sóng ồ ạt và liên tiếp. Để ngăn chiếc thúng tròn khỏi bị đổ nhào và chìm bởi vô số đợt sóng tới tấp, người thanh niên không hề rời tay khỏi khoảnh vành thúng khi bơi. Anh đã không ngừng trườn người về phía trước để ra sức đẩy chiếc thúng vượt qua các ngọn sóng tấp ngược trong lúc đập nước về phía sau.

Tinô thức dậy ngóc đầu nhìn quanh sau những lần bị chuyển sang đưa lại. Cố tình không để nó thấy những cơn sóng đang dập dềnh xung quanh vành ghe, tôi ghì đầu nó vào bên ngực phải và ra sức ru nó ngủ lại. Tôi, chẳng dễ dàng được bao nhiêu câu, đã phải há hốc vì trông thấy một ngọn sóng lớn đang chuẩn bị tạt nước chiếc ghe thúng của chúng tôi. Người thanh niên có lẽ đoán được hướng đi của ngọn sóng, ấn mạnh vành thúng nơi tay nắm xuống trong tư thế sẵn sàng. Vì lòng thúng trở thành một khoảnh tròn thẳng đứng nên chị Phú và tôi đều bị trượt xuống mạn thuyền, chập chênh như sắp rơi

xuống biển. Người thanh niên, không để tâm xem chúng tôi thế nào, chờ đầu ngọn sóng vừa ập xuống là đẩy chiếc ghe thúng bơi vượt qua. Khi đáy thúng rớt mạnh trên mặt nước biển, chị Phú và tôi lẫn cù từ mạn vành vào lòng ghe. Chưa hoàn hồn, chúng tôi bị tuột xuống trở lại mạn vành vì cái dựng đứng của chiếc ghe thúng. Vẫn như lần đầu, người thanh niên ẩn một bên vành ghe xuống đón đầu sóng để tiếp tục vượt qua. Lần này, vì ngọn sóng cao hơn lần trước và vì người thanh niên chéch chiếc ghe hơi nghiêng về sau nên cả Tinô và tôi đều ở tư thế sắp bật ngược ra đằng sau. Hốt hoảng, tôi bấu Tinô chặt vào lòng, rồi ép người mình sát vào đáy thúng đang ở thế dựng đứng, hét to:

“Phật bà Quan Thế Âm ơi cứu con của con với!”

Hốt hoảng, chị Phú vừa xua tay vừa ta thán:

“Lan ơi là Lan! Lan la kiêu này là Lan giúp cho công an bắt cả bọn mình đó!”

Tôi không hề đáp lại cũng như không quan tâm chút nào đến lời trách móc của chị bởi chưa hoàn hồn với ý nghĩ Tinô rớt xuống biển vì ngọn sóng cao úp ngược. Run lẩy bẩy, tôi ôm chặt nó vào lòng hơn rồi tiếp tục cầu xin trời Phật ban phước lành. Người thanh niên không nói không rằng, bình tĩnh lèo lái chiếc ghe vượt qua những đợt sóng cao còn lại và tiếp tục đưa chúng tôi ra khỏi vùng có nhiều ngọn sóng. Tôi cảm thấy an tâm hơn vì chiếc ghe đã vượt qua hãn vùng có nhiều sóng và đang an bình lướt êm trên mặt biển; tuy nhiên, tôi đã phải chịu đựng tiếng khóc la dữ dội của Tinô và những tiếng kêu trời của chị Phú. Chị Phú than vãn liên hồi rằng:

“Trời ơi là trời! Đi với hai mẹ con hai người này trước sau cũng bị đi tù. Lan có làm ơn đỡ nó nín ngay đi không! Làm cho nó nín ngay chớ đồn công an ở ngay đằng kia kìa!”

Theo cái chỉ tay của chị, tôi quay đầu nhìn lại làng chài. Một điểm canh cao ngều và chênh lệch khá lớn với những chiếc nhà lụp xụp

bên dưới, chắc hẳn phải có vài người du kích hay công an canh phòng Duyên Hải ở đó. Tôi không biết họ có nghe tiếng chó sủa, tiếng la tiếng khóc của mẹ con tôi không nhưng tôi không còn lo lắng nữa vì chiếc ghe thúng cách ra xa bờ khá nhiều.

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Chương Mười

Chẳng mấy chốc chiếc ghe thúng đưa chúng tôi đến một chiếc ghe đang lạng lờ trên mặt biển. Một vài cái đầu thò ra đưa cánh tay kéo chúng tôi lên. Tinô vẫn khóc vì lúc này bị chuyển sang một người khác mà trong bóng tối nó không nhận ra đó là bố của nó. Khi được kéo lên ghe tôi hết sức bàng hoàng vì kích thước quá nhỏ của vật sắp đưa mình vượt đại dương. Lúc đó tôi hiểu vì sao những người gác ở cái điểm canh cao ngều trong xóm chài kia không quan tâm đến tiếng chó sủa và tiếng kêu la ở ven biển. “Đi vượt biển trên chiếc ghe nhỏ như thế này trước sau cũng phải làm mồi cho hà bá, chứ làm sao vượt đại dương được! Hèn chi những người canh phòng không bỏ công ra lùng bắt những người liều mạng như mình!” Tôi đã nghĩ như thế nhưng ngay sau đó biết là mình đã hiểu sai vì những tiếng sụt nho nhỏ của những người nằm im thín thít trên sàn ghe đang cảnh cáo tôi khi tôi lồm cồm len qua người họ.

“Đi lại đằng kia, rồi chui xuống hầm mau đi em!”

Chồng tôi nói khe khẽ khi anh chuyển Tinô lại cho tôi. Vui mừng vì sự trùng phùng, tôi lần theo những cánh tay dẫn dắt để bước xuống hầm ghe. Tôi đã dẫm lên rất nhiều người trong khi lom khom ẵm Tinô chui sâu vào phía trong cùng của đuôi ghe. Chệch choạng trong bóng tối một lúc tôi chen được một chỗ giữa chị Phú và những tảng đá lớn bên hông. Co ro ngồi bó chân trong lúc ôm Tinô trên bụng tôi cảm thấy chóng mặt. Cố gắng nhìn về phía cửa hầm, tôi

lờ mờ thấy vài bóng người leo xuống. Tiếng than vẫn lẫn tiếng khóc của trẻ con vang lên rất nhiều nhưng chỉ một lúc bị ém chặt khi nắp hầm đóng kín mít. Ngột ngạt vì mùi dầu máy, mùi cá tanh, và mùi ẩm mốc, tôi nôn khan. Biết chứng bệnh của mình, tôi rút chiếc bao ny lông từ trong túi áo ra chuẩn bị. Tinô đã ngưng khóc có lẽ vì ngạc nhiên với bóng tối và những tiếng khóc của trẻ con gần đó. Ngơ ngác lắng nghe trong vài giây nó chợt ho dữ dội rồi ới thốc ới tháo ra. May là tôi kê được chiếc bao ni lông ngay miệng nó nên không bị ướt bởi các chất nhầy nhựa của thức ăn và nước dãi. Dù sao thì tôi chẳng được khô ráo chút nào. Từ lúc lội xuống biển và qua hai ngọn sóng lớn áo quần của tôi đã bị ướt đầm, nay ngồi tại một nơi mà dưới đáy là nước ẩm và bên cạnh là khối đá lạnh, thân thể của tôi càng lúc càng lạnh hơn. Cảm giác khó chịu không ngăn được cơn ới mà tôi đang kèm chế nên tôi đã ới ngay sau khi Tinô vừa ới xong. Chúng tôi thi nhau ới cho đến lúc tưởng như không còn thức ăn gì trong bụng để ới được nữa. Dù mệt lả, tôi cố gắng lục túi lấy chai dầu xanh xoa trên trán và cổ cho Tinô, tôi xoa vào mũi mình và cho một chút vào lưỡi. Mùi dầu làm tôi thấy dễ chịu vì nó giảm bớt được những mùi khó chịu xung quanh. Tinô có lẽ cũng có cảm giác như vậy nên ngưng hẳn những cơn ới khan. Sau khi gút chiếc bao ni lông và lần tay trong những tảng đá bên cạnh tìm chỗ đặt nó phòng cho những cơn ới tiếp, tôi áp đầu Tinô vào ngực mình rồi xoa bóp nhẹ nhàng trên đầu và trán của nó. Biết Tinô thường rơi vào giấc ngủ dễ dàng khi được vuốt ve nên tôi đã dùng ngón tay làm lược xới chải đầu tóc của nó rồi liên tục vân vê hai vành tai của nó. Dễ chịu với sự âu yếm êm dịu, Tinô thở đều đều một lúc rồi im lìm ngủ. Khi nó ngủ yên lành, tôi lần bàn tay phải vào trong những cây nước đá lạnh cạnh bên để khám phá tiếp. Sau khi biết những cây nước đá này được phủ bởi trấu, lưới câu và những chiếc bố rách, tôi đã rút một chiếc bố rồi từ từ đẩy dưới chỗ mình ngồi để không phải bị thấm ướt thêm bởi nước ở bên dưới. Mặc dù chiếc bố đã bị ướt lạnh nhưng nó đã tăng được độ cao của chỗ tôi ngồi như một vật đệm và giúp tôi không phải bị thấm nước thêm. Trước khi đi, tôi được biết là chủ ghe sẽ dùng nước chảy tan từ những cây nước đá cho nước uống trong khi đóng kịch dùng chúng cho việc ướp cá dưới hầm khi đi chài. Sự tính toán có vẻ có lý nhưng không hiểu ông ta đã tính toán chuyện chứa nước tan như thế nào khi lượng nước ở dưới chỗ tôi ngồi càng lúc càng tăng nhiều hơn thêm vì những cây nước đá hình trụ vuông dài đang tan chảy ra. Mọi người dưới hầm, có lẽ cùng ở tình trạng, ngồi trên chỗ ướt át như tôi nên rúc vào nhau tìm hơi ấm. Một lúc sau, tiếng

khóc, tiếng than, tiếng dỗ dành và tiếng ói từ từ lắng dịu đi và tôi chỉ còn nghe tiếng rè rè đều đều của máy ghe. Chiếc ghe lúc này có lẽ đang lướt trên mặt êm của biển nên không còn bị chòng chành nghiêng ngã như trước đó. Tôi cảm thấy đỡ chóng mặt nên không còn buồn nôn nhưng bị lạnh toàn thân nhất là hông bên phải. Lặn tay phải sâu vào các khối đá lạnh để khám phá thêm, tôi mò được một cục đá có hình tam giác độ hai nắm tay và rút thêm được một tấm bố nhỏ. Chèn tấm bố bên hông phải mình xong, tôi bỏ cục đá vào một chiếc bao ni lông, cột chặt lại rồi nhét vào trong túi áo. Hai túi áo khoác của em gái tôi có hình vuông cạnh dài đến mười bảy xen ti mét nên chứa được nhiều thứ như chai dầu xanh, gói chanh đường, vài gói sâm nhỏ, và vài chiếc bao ni lông. Những thứ này không hề bị thất thoát sau những lần tôi leo lên trượt xuống ở mạn ghe khi vật vờ bởi những ngọn sóng lớn. Ngay cả chiếc giỏ vải bé xíu mà tôi tròng vào cổ, đang ở dưới người Tinô vẫn còn nguyên các thứ.

“Anh kia gửi cho chị gói này nè.”

Tôi giật mình đón gói đường tấm chanh từ tay người ngồi trước mặt. Thì ra chồng tôi đã xuống hầm ghe từ lúc nào nên nhờ người ngồi cạnh chuyển gói đường này cho tôi để bày tỏ sự quan tâm. Vài giọt nắng xuyên qua các kẽ hở của những tấm ván trên hầm cho tôi biết trời đã sáng. Lúc này có lẽ ghe chúng tôi đang trôi giữa các chiếc ghe đánh cá khác nên ông chủ ghe bắt tất cả tất cả thanh niên xuống hầm. Chắc chắn là ông đang rất căng thẳng vì nghĩ đến tiếng la khóc bất chợt của mấy đứa trẻ trong lúc gặp ghe tuần của công an biên phòng hay những chiếc ghe đánh cá khác cạnh kề. May mắn là dưới hầm ghe đã trở nên yên tĩnh hơn. Những tiếng khóc, ho khan, nôn oẹ, ói mửa, và cần nhằn từ từ giảm dần và mất hẳn đi. Mấy đứa trẻ có lẽ mệt mỏi đã chìm trong giấc ngủ, còn những người lớn đã quen với môi trường ẩm ướt và hơi hám nên im lặng với ý nghĩ riêng của mình. Tôi không biết những người khác nghĩ gì; còn tôi thì nhắm tính đến khi nào ghe sẽ ra hải phận Quốc Tế. Tôi nhớ như in là chiếc thúng chở chúng tôi ra ghe lớn khoảng hai giờ sáng và chúng tôi đã xuất phát sau đó khoảng nửa giờ. Nếu căn cứ theo sự tính toán của anh Thảo và chồng tôi trước ngày đi thì phải đến ngày hôm sau ghe chúng tôi mới ra khỏi hải phận Việt Nam. Hôm nay là thứ năm ngày 30 tháng 3 năm 1989. Sáng thứ năm nào tôi cũng có hai tiết địa lý

lớp sáu tại điểm chính. Nhìn ánh nắng sáng qua khe hở trên sàn, tôi đoán lúc ấy khoảng mười giờ và nghĩ rằng học sinh của lớp học mà tôi đảm trách giảng dạy hôm nay đang xôn xao vì sự vắng mặt của tôi. Ông hiệu trưởng chắc hẳn đang thắc mắc vì sự vắng mặt không lý do một cách bất thường này. Ông có biết là tôi đi vượt biển chưa thì tôi chẳng thể nào đoán được nhưng tôi chắc rằng cư dân ở xóm Cù Lao đã bàn tán sự vắng mặt của nhiều người trong xóm và chắc chắn công an biên phòng đã phát hiện chuyến vượt biển của chúng tôi. Tin tức trong thành phố biển Nha Trang thường được loan truyền rất nhanh cho nên chẳng mấy chốc nó sẽ lan đến trường tôi dạy. Hình dung cảnh các giáo viên trường xì xầm như những khi có tin người trong thành phố vượt thoát, tôi cảm thấy tim mình bồi hồi xúc động. Rồi tôi đã lo lắng hồi hộp khi nghĩ đến cảnh ông hiệu trưởng tức giận vì bị khiển trách, và sự kém may mắn của chuyến đi của tôi khi bị công an tuần tiễu bắt đưa về đất liền. Đầu tôi liên tục vang lên những lời phê bình của cấp trên của ông: *“Đồng chí làm hiệu trưởng như thế nào mà không quản lý được tư tưởng chính trị của giáo viên đồng chí? Một giáo viên có tư tưởng phản động đến thế mà để cử danh hiệu giáo viên tiên tiến của trường mấy năm liền như thế à?”* Sau đó là những câu biếm nhẽ của những người cán bộ dành cho những người trốn ra khỏi nước mà tôi thường nghe: *“Sau chiến tranh, đất nước khó khăn không góp sức góp phần trong việc xây dựng đất nước lại trốn ra nước ngoài! Vinh hạnh gì loại người bám theo ngoại bang để chực bỏ thừa sửa căn!”, “ñẤy là bẹn vong bản, bám Cít ngoài lai! Chúng chỉ muốn làm tôi mị cho bẹn TỪ Bản nỮc ngoài nên phải trỐn Cị!”* và *“Ch%ot chìm, ch%ot bìn cỦng Càng cho IỦ phẫn b¶ĩ t° quÓc!”* Càng suy nghĩ, tôi càng cảm thấy rất buồn tủi và đau lòng. Chưa xót nhất là tội danh phản bội Tổ Quốc mà mình đang bị gán ghép. Thật là chua xót cho một người bị mang tội phản quốc như tôi lại là người mơ ước được sống và chết nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Ước mơ này đã khảm trong tiềm thức của tôi ngay từ thời thơ ấu và có lẽ nó sẽ theo tôi đến cuối cuộc đời cho dù tôi chẳng hiểu mình sẽ còn sống được bao lâu trên chiếc ghe lênh đênh chưa đến bến bờ và không biết sẽ chết ra sao. Nghĩ đến chuyện ra đi không bao giờ được trở lại, tôi tự hỏi không biết giờ này trên sàn tàu, ông chủ ghe và những người phụ lái có còn được nhìn lần cuối những viên đất xanh rì cây cối của những đảo xa của Nha Trang không; nhưng khi ý thức là mình thật sự xa bà con thân thuộc và xóm giềng, tôi đã âm thầm rơi nước mắt. Tôi đã khóc rất nhiều khi nghĩ đến sự phiêu lưu của mình không biết sẽ ra sao trong lúc ông nội

chồng và mẹ chồng lộm khộm nhang đèn cầu nguyện trời phật ngày đêm. Càng nghĩ, tôi càng nhớ đến sinh hoạt thường ngày của gia đình chồng. Trưa nay không có tôi chắc mẹ chồng tôi sẽ tự làm lò trấu để đun hay chỉ dùng vài bã mía khô để nấu qua loa cho bữa ăn chỉ còn hai người. Mà có thể là họ không nấu nướng hay ăn uống gì vì đang lo lắng và nóng lòng chờ tin của chúng tôi. Tôi chợt nhớ đến khuôn mặt kinh hãi của bác gái dâu của tôi khi tôi thành thực nói cho bà biết là tôi sẽ đưa Tinô đi vượt biển. Lúc ấy, hình như tâm trí bà chứa đầy hình ảnh hiểm nguy mà mẹ con tôi sắp chuốc nên ánh mắt bà đã toát ra sự lo âu đến cực cùng. Ngày hôm đó, khi về thăm nhà, tôi đã tâm sự với bà một cách thành thật như với mẹ ruột mình vì tôi không gặp được mẹ ruột của tôi. Mẹ tôi đang bận mót lúa tại quê ngoại nên không hề hay biết chuyện tôi mang con dại đi vượt biển. Khi tôi mượn chiếc áo khoác của cô em gái, cô ta đã nói với tôi là: *“Chị sẽ trả nó lại cho em thôi!”* Giờ này, chắc em gái tôi vẫn còn tin là tôi sẽ quay trở về như lần trước chứ chẳng bao giờ ngờ là tôi đang lênh đênh trên biển trong tình trạng chưa biết sống chết ra sao. Chị em tôi, cùng là cô giáo nhưng chẳng hề giúp được gì cho mẹ ruột của mình. Trong khi tôi phải làm bao nhiêu việc mà không đủ nuôi con của tôi thì em gái tôi vừa dạy, vừa bán bánh, vừa bán thuốc lá lẻ ở chợ vẫn không đủ nuôi con của cô ấy. Tôi không hiểu mức độ chua xót của mẹ tôi đến dường nào đối với hoàn cảnh của chúng tôi, nhưng khi nghĩ đến bà, tôi hình dung rất rõ những nét nhọc nhằn trong đôi mắt sâu, trong từng nếp nhăn trên trán và trong những đường khô nứt trên môi. Kèm theo nỗi khổ sở hằn sâu lên khuôn mặt ấy, sự vất vả cơ cực đã chồng chất trên tấm lưng còng của bà liên tiếp theo tháng ngày mà không biết đến bao giờ mới ngơi. Sau năm 1975, vì không còn vốn để buôn bán bà đã xoay đến chuyện lượm từng hạt gạo rơi ở những chỗ buôn gạo ngoài chợ nay lại lam lũ mót từng hạt lúa ở những cánh đồng vừa gặt xong. Nghĩ đến đời sống tàn tạ khổ nhọc của bà, lòng tôi trĩu nặng. Chưa bao giờ tôi khao khát được sống và được đến bờ tự do. Hết lời kêu gọi tấm lòng từ bi của trời phật, tôi cầu xin cho ghe chúng tôi được thuận buồm xuôi gió và đến bến bình yên. Những người ngồi gần, có lẽ cùng chung tâm trạng như tôi, tựa vào nhau cầu nguyện theo tôn giáo riêng của mình trong những tiếng thì thầm. Thời gian trôi qua tưởng chừng như vô tận. Rồi chúng tôi đã thiếp đi, và ngủ gà ngủ gật lên nhau.

Đột ngột, chúng tôi được đánh thức bởi tiếng gọi của những người trên sàn. Họ chuyền cơm nước xuống và gọi chúng tôi đón lấy. Những chén nhựa chứa cơm và những ca nước được chuyền tới tay từng người. Chúng tôi nhận cơm lại thành nắm để ăn trong khi chuyền nhau uống chung một ca nước. Cho Tinô ăn xong, tôi ăn phần thừa của nó rồi cất phần mình vào túi ni lông để dành. Tôi không thấy đói vì cảm thấy vui với niềm hy vọng đang nhen nhóm trong lòng. Những tia nắng nhạt nơi khung cửa của nắp hầm báo hiệu trời đã về chiều. Ghe chúng tôi đã đi hơn nửa ngày; chắc chắn là chúng tôi đã thoát được sự đuổi bắt của công an. Vài người đàn ông, có lẽ có cùng ý nghĩ với tôi, nài nỉ ông chủ ghe cho lên sàn cho thoải mái nhưng ông ta một mực từ chối với lý do vẫn còn nhiều tàu Quốc Doanh đánh cá ngoài khơi đang trên đường quay về đất liền. Ông nói là nếu những chiếc tàu ấy thấy ghe chúng tôi có nhiều người sẽ nghi ngờ và gọi báo công an thì cuộc đuổi bắt không thể nào tránh khỏi. Nghe những lời đối thoại của họ, những người đàn bà không nói gì. Riêng tôi, tôi lại rơi vào tình trạng bất an vì hiểu là ghe của chúng tôi vẫn chưa đến hải phận Quốc Tế. Trong khi mọi người trong hầm ngọt ngào vì không khí im lặng nặng nề, một tiếng khóc rất non nớt của một đứa trẻ sơ sinh vang lên. Ông chủ ghe lại thò đầu xuống cửa hầm, với khuôn mặt đầy lo lắng. Ông gọi ý với người đàn bà đang vỗ về đứa nhỏ là hãy thăm chừng nhiệt độ của nó và nên cho nó bú thường xuyên hơn. Giọng nói đầy lo lắng của ông khiến tôi nhớ đến lời kể của anh Thảo. Thì ra ông chủ ghe đã đưa vợ con ông đi cùng và đang lo lắng tình trạng sức khỏe của đứa con sơ sinh của ông. Tôi không đoán được là ông có bao nhiêu đứa con và có tất cả bao nhiêu đứa trẻ đang ở dưới hầm nhưng khi nghe những đứa trẻ khác khóc hòa theo tiếng khóc của đứa con Út của ông bà chủ ghe, tôi hiểu được là số con nít trong hầm ghe không ít hơn số tham gia của người lớn. Vì chúng khá đông nên cùng thi nhau khóc dai dẳng mà không một người lớn nào có thể làm ngưng được. Ngay cả Tinô, vừa mới ăn ngủ no nê, cũng hòa với chúng la khóc inh ỏi như bị ai nhéo. Bất lực với chứng khóc bất trị của chúng, chúng tôi đành chịu đựng ngồi yên. Độ nửa giờ sau, khi tiếng khóc của những đứa trẻ được giảm đi thành những tiếng ri rỉ thì những tiếng kêu trời kinh hãi của chúng tôi vang lừng trong hầm ghe. Lúc này, chiếc ghe nghiêng qua lại với độ chênh khá lớn nên tất cả mọi người dưới hầm đều bị lặn từ bên nọ sang bên kia, lộn xộn không theo vị trí nào nhất định. Sau một hồi xoay quần các chỗ, tôi bị tống vào giữa. Tại đây tôi lãnh hầu hết thức ăn và nước dãi từ những cái nôn ói xung quanh. Mọi

người chẳng khác gì tôi; người nọ xả lên người kia hàng hà chát nhầy nhụa đầy thức ăn lẫn các thứ nước khác trong khi hứng lại hầu hết những thứ cùng như thế. Hòa với tiếng la, tiếng khóc, tiếng ói mưa là tiếng đập rầm rầm của nước. Những tiếng đập hung tợn làm tôi liên tưởng đến những cơn sóng cao ở gần bờ và cảm thấy sợ hãi khi tưởng tượng các miếng ván gỗ xung quanh chiếc ghe ?ang long ra và như sắp sửa vỡ tung ra. Lần này, những tiếng cầu nguyện không còn thì thào như trước. Tất cả tên các vị thượng đế trên trời đều được gọi thật to. Chỗ thì gọi Chúa, chỗ thì gọi mẹ Maria, chỗ thì gọi Phật Tổ, phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát rồi cả phật Di Lặc. Tuy nhiên, chúng tôi có kêu gào các đấng từ bi bao nhiêu, chiếc ghe vẫn không ngừng lắc lư nghiêng ngả. Dồn cục vào nhau, chúng tôi cùng lẫn qua lộn lại. Có lúc tôi cảm thấy như được đưa bổng lên cao, rồi bị lẫn xuống theo những cái đánh rầm của khoang ghe. Có lúc vừa bị nghiêng sang phải lại ngã ngay sang trái, sau đó vừa bị trượt ra góc sau cùng lại bị tuột trở lại vào trong. Tinô vừa khóc, vừa ói, vừa kêu mẹ rồi rít mặc dù nó đang ôm chặt cổ tôi và ngồi ngay trên bụng tôi. Tệ hại chẳng kém gì tôi, đầu tóc, áo quần, chân tay của nó không một chỗ nào khô ráo.

“Đưa con đây cho anh!”

Quay sang người vừa nói, tôi nhận ra chồng tôi đang ngồi cách tôi chỉ một người. Chuyển Tinô sang cho anh xong, tôi tìm cách lết gần anh hơn.

“Em bị ngộp quá! Chắc con cũng vậy. Mình tới xin ông chủ cho lên boong ngay, nếu không, trước sau mình cũng chết ở đây thôi.”

Nói xong, tôi nhất định lần đến chỗ cửa hầm van nài ông chủ ghe kéo lên cho bằng được. Vợ ông chủ ghe cũng kêu tên ông nhưng ông không thò đầu xuống như những lần trước. Một người phụ lái thò đầu xuống báo là ông chủ đã đồng ý cho những người muốn leo lên sàn.

HẾT

Nguồn: Tác giả Cung Thị Lan
Vnthuquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 25/08/2009 11:09:43 SA